

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thanh Hà

Giảng viên hướng dẫn: TS Nguyễn Văn Tĩnh

HẢI PHÒNG - 2011

Luận văn tốt nghiệp

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ
TÍNH GIÁI THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
HẠ LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Nguyễn Thanh Hà

Giảng viên hướng dẫn: TS Nguyễn Văn Tĩnh

HẢI PHÒNG - 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thanh Hà

Mã SV: 110057

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.	10
1.1 Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.	10
1.1.1 Chi phí sản xuất.	10
<i>1.1.1.1 Khái niệm, bản chất và nội dung của chi phí sản xuất.</i>	10
<i>1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.</i>	11
1.1.2 Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.	14
<i>1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.</i>	14
<i>1.1.2.2 Phân loại giá thành.</i>	14
1.1.3 Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.	16
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.	17
1.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.	18
1.2.1 Đặc điểm của hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.	18
1.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.	19
<i>1.2.2.1 Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.</i>	19
<i>1.2.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.</i>	20
<i>1.2.2.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên.</i>	22
<i>1.2.2.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.</i>	30

1.2.2.5 Kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp xây lắp.	31
1.2.3 Kế toán xác định giá thành sản phẩm xây lắp.	33
1.2.3.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.	33
1.2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.	34
1.2.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.	36
1.2.4.1 Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.	36
1.2.4.2 Các bước hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.	37
1.2.5 Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.	38
1.2.5.1 Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng.	38
1.2.5.2 Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.	38
1.2.6 Phân tích giá thành sản phẩm xây lắp.	40
1.2.6.1 Ý nghĩa của việc phân tích giá thành sản phẩm xây lắp.	40
1.2.6.2 Nội dung, trình tự và phương pháp phân tích.	40
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG 42	42
2.1 Khái quát chung về công ty.	42
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.	42
2.1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.	42
2.1.1.2 Các ngành kinh doanh chính.	42
2.1.1.3 Tình hình tài chính doanh nghiệp.	43
2.1.1.4 Tài sản hiện có.	44
2.1.1.5 Kinh nghiệm nghề nghiệp.	44
2.1.1.6 Năng lực cán bộ CNV.	44
2.1.1.7 Năng lực thiết bị hiện có.	45
2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.	46
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán.	52
2.1.3.1 Mô hình tổ chức.	52
2.1.3.2 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	53

2.1.3.3 Các chính sách kế toán tài chính công ty sử dụng:	55
2.2 Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	55
2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.	55
2.2.1.1 Kế toán chi phí sản xuất.	55
2.2.1.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	57
2.2.1.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	62
2.2.1.1.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	68
2.2.1.1.4 Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ.....	75
2.2.1.1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.	82
2.2.2 Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang.	85
2.2.3 Kế toán tính giá thành sản phẩm	88
2.2.3.1 Đối tượng tính giá thành.....	88
2.2.3.2. Phương pháp hạch toán	88
CHƯƠNG III:	92
3.1 Nhận xét đánh giá về tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây lắp Hạ Long.	92
3.1.1 Những ưu điểm nổi bật.	93
3.1.1.1 Về bộ máy quản lý.	93
3.1.1.2 Về bộ máy kế toán.	93
3.1.1.3 Về hình thức ghi sổ.....	94
3.1.1.4 Về hệ thống chứng từ kế toán.....	94
3.1.1.5 Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	94
3.1.1.6 Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	94
3.1.2 Một số tồn tại cần khắc phục.	96
3.1.2.1 Về luân chuyển chứng từ kế toán.	96
3.1.2.2 Về công tác hạch toán chi phí.	96
3.1.2.3 Về việc áp dụng hình thức sổ kế toán.....	97
3.1.2.4 Về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.	98
3.1.2.5 Về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất.	98
3.1.2.6 Về vận dụng tin học vào công tác quản lý và kế toán.....	99

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long.....	99
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.	99
3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	100
3.2.2.1 Kiến nghị 1: Về luân chuyển chứng từ kế toán.	100
3.2.2.2 Kiến nghị 2: Về công tác hạch toán chi phí.	100
3.2.2.3 Kiến nghị 3: Về việc áp dụng hình thức sổ kế toán.	103
3.2.2.4 Kiến nghị 4: Về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.	103
3.2.2.5 Kiến nghị 5: Về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất.....	105
3.2.2.6 Kiến nghị 6: Về vận dụng tin học vào công tác quản lý và kế toán.....	105
KẾT LUẬN	106

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, cùng với sự đổi mới kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng của đất nước có sự phát triển đáng kể trong đó có sự đóng góp của ngành xây dựng cơ bản - một ngành mũi nhọn thu hút khối lượng vốn đầu tư của nền kinh tế. Mặt khác, bất kỳ một doanh nghiệp cũng muốn tối đa hoá lợi nhuận, giảm chi phí và hạ thấp giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp. Để giải quyết vấn đề nêu trên, một trong những công cụ đắc lực mà mỗi doanh nghiệp xây lắp nói chung và Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long nói riêng cần có các thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm. Tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác, kết hợp với tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm mang lại lợi nhuận lớn nhất cho doanh nghiệp.

Đứng trên lĩnh vực kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đảm bảo việc hạch toán giá thành chính xác, kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán tại doanh nghiệp.

Trong những năm qua lãnh đạo Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long luôn quan tâm đến công tác chi phí, tính giá thành sản phẩm điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và chế độ kế toán hiện hành. Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác tổ chức hạch toán tại Công ty em đã chọn đề tài: "***Hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long***"

Ngoài mở đầu và kết luận khóa luận kết cấu gồm ba chương sau:

- **Chương I:** Lý luận chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.
- **Chương II:** Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long.

- **Chương III:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long.

Mặc dù bản thân đã rất nỗ lực cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách tốt nhất song do khả năng có hạn và thời gian nghiên cứu hạn hẹp nên bài viết không tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được những nhận xét, đánh giá và góp ý của BGĐ, phòng KT-TC, các phòng ban liên quan của Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long, của các thầy, cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn và nâng cao kiến thức của bản thân phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc, các cô chú trong phòng Kế toán-tài chính của Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long, các thầy cô giáo trong Khoa quản trị kinh doanh và thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ, chỉ bảo và tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin được trình bày toàn bộ nội dung của khóa luận.

Hải Phòng ngày...tháng...năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thanh Hà

CHƯƠNG I:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.1 Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.

1.1.1 Chi phí sản xuất.

1.1.1.1 Khái niệm, bản chất và nội dung của chi phí sản xuất.

a, Khái niệm.

Chi phí sản xuất hàng hóa là sự kết hợp của 3 yếu tố tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Đồng thời với quá trình sản xuất là sự tiêu hao chính các yếu tố nói trên. Để đo lường hao phí doanh nghiệp đã bỏ ra trong một thời kỳ nhất định thì mọi chi phí chi ra cuối cùng đều được biểu hiện bằng thước đo tiền tệ.

“ Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.”

b, Bản chất và nội dung của chi phí sản xuất.

Nội dung của chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm:

- Chi phí lao động sống: là chi phí về tiền công, tiền lương phải trả cho người lao động tham gia vào quá trình sản xuất.
- Chi phí lao động vật hóa: là toàn bộ giá trị tư liệu sản xuất đã hao phí trong quá trình tạo ra sản phẩm xây lắp như nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định,...
- Các loại chi phí khác: như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền,...

Độ lớn của chi phí sản xuất là một đại lượng xác định và phụ thuộc hai nhân tố chủ yếu là:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào sản xuất trong một thời kỳ nhất định.
- Giá cả các tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền công cho một đơn vị lao động đã hao phí.

1.1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

Chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có nội dung, tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại chi phí cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí. Việc phân loại chi phí sản xuất một cách khoa học và hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị kiểm tra phân tích chi phí, thúc đẩy việc quản lý chặt chẽ chi phí để hướng tới tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường được phân theo các tiêu thức sau đây:

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố.

Để phục vụ cho việc tập hợp, quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh, chi phí được phân theo yếu tố. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, toàn bộ chi phí được chia làm 7 yếu tố sau:

- *Chi phí nguyên liệu, vật liệu:* Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên, vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi cùng với nhiên liệu, động lực)
- *Chi phí nhiên liệu, động lực sử dụng vào quá trình sản xuất- kinh doanh trong kỳ* (trừ số dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi)
- *Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương:* Phản ánh tổng số tiền lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân viên.
- *Chi phí BHXH, KPCĐ, BHYT* trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương và các khoản phụ cấp phải trả công nhân viên chức.
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* Phản ánh tổng số khấu hao phải trích trong kỳ cho tất cả tài sản cố định sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí khác bằng tiền*: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Phân loại chi phí theo yếu tố có ý nghĩa lớn trong quá trình quản lý chi phí, nó cho biết kết cấu, tỉ trọng của từng yếu tố chi phí giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức vốn lưu động cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích dự toán chi phí.

❖ ***Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm.***

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa vào công dụng của chi phí và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng. Theo đó, toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp xây lắp được phân chia thành các khoản mục chi phí sau:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên liệu, vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... được sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm xây lắp, thực hiện dịch vụ, lao vụ trong kỳ sản xuất kinh doanh.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: là chi phí về tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp mà không bao gồm các khoản trích theo lương.

- *Chi phí sử dụng máy thi công*: Bao gồm toàn bộ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

- *Chi phí sản xuất chung*: là những khoản chi phí phục vụ xây lắp tại các đội và các bộ phận sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp, bao gồm: tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo tỉ lệ quy định trên tổng quỹ lương của toàn bộ công nhân viên chức từng bộ phận, từng đội và toàn bộ tiền ăn ca của đội, bộ phận, chi phí vật liệu dụng cụ phục vụ cho các đội...

Phân loại chi phí theo khoản mục rất thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm, lập kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau. Qua đó sẽ giúp

những nhà quản lý có biện pháp sử dụng chi phí một cách hợp lý, tiết kiệm, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

❖ ***Phân loại chi phí theo cách thức kết chuyển chi phí.***

Theo cách thức kết chuyển, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ. Chi phí sản phẩm là những chi phí gắn liền với các sản phẩm được sản xuất ra hoặc được mua; còn chi phí thời kỳ là những chi phí làm giảm lợi tức trong một kỳ nào đó, nó không phải là một phần giá trị sản phẩm được sản xuất ra hoặc được mua nên được xem là các phí tổn, cần được khấu trừ ra từ lợi nhuận của thời kỳ mà chúng phát sinh.

❖ ***Phân loại chi phí theo quan hệ của chi phí với khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành.***

Để thuận tiện cho việc lập kế hoạch và kiểm tra chi phí, đồng thời làm căn cứ để đề ra các quyết định kinh doanh, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được phân theo quan hệ với khối lượng công việc hoàn thành. Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành biến phí và định phí.

Biến phí: là những chi phí thay đổi về tổng số, về tỉ lệ so với khối lượng công việc hoàn thành, chẳng hạn chi phí về nguyên liệu, nhân công trực tiếp... Tuy nhiên, chi phí biến đổi nếu tính trên một đơn vị sản phẩm thì lại có tính cố định.

Định phí: là những chi phí không đổi về tổng số so với khối lượng công việc hoàn thành, chẳng hạn các chi phí về khấu hao tài sản cố định, chi phí thuê mặt bằng, phương tiện kinh doanh... Các chi phí này nếu tính cho một đơn vị sản phẩm thì lại biến đổi nếu số lượng sản phẩm thay đổi.

Ngoài các cách phân loại trên, để phục vụ cho việc phân tích đánh giá tình hình sử dụng chi phí, chi phí sản xuất còn được phân loại thành: chi phí ban đầu và chi phí biến đổi, chi phí cơ bản và chi phí chung, chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, chi phí tổng hợp và chi phí đơn nhất.

Mỗi cách phân loại chi phí đều có những tác dụng nhất định đối với công tác quản lý và hạch toán chi phí ở doanh nghiệp, đồng thời luôn hỗ trợ, bổ sung cho nhau giúp cho việc quản lý chung của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.2 Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.

Để xây dựng một công trình, hạng mục công trình hay hoàn thành một lao vụ thì doanh nghiệp phải đầu tư vào quá trình sản xuất thi công một lượng chi phí nhất định. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra đó sẽ tham gia cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Như vậy, giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình sản xuất có liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm xây lắp luôn chứa đựng hai mặt khác nhau vốn có là chi phí sản xuất và lượng giá trị sử dụng thu được cấu thành bên trong khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Như vậy, bản chất của giá thành sản phẩm là sự chuyển dịch giá trị của những yếu tố chi phí vào sản phẩm xây lắp hoàn thành. Vì thế, giá thành có hai chức năng chủ yếu là bù đắp chi phí và chức năng lập giá.

Giá thành là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như hệ thống các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện nhằm đạt được mục đích sản xuất ra khối lượng sản phẩm nhiều nhất với chi phí thấp nhất. Giá thành là căn cứ để xác định hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong giá thành sản phẩm chỉ bao gồm những chi phí tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất, tiêu thụ phải được bồi hoàn để tái sản xuất ở doanh nghiệp mà không bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Mọi cách tính toán chủ quan, không phản ánh đúng các yếu tố giá trị trong giá thành đều có thể dẫn đến việc phá vỡ các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, không xác định được hiệu quả kinh doanh và không thực hiện tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

1.1.2.2 Phân loại giá thành.

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá thành sản phẩm, giá thành sản phẩm xây lắp được phân loại như sau:

*** Theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành**

Theo phương pháp này, chỉ tiêu giá thành được chia làm 3 loại:

- **Giá thành dự toán:** là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương do cấp có thẩm quyền ban hành.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} + \text{Lãi định mức}$$

Trong đó, giá trị dự toán là chỉ tiêu dùng làm căn cứ cho các doanh nghiệp xây lắp xây dựng kế hoạch sản xuất của đơn vị, đồng thời làm căn cứ cho các cơ quan quản lý nhà nước giám sát hoạt động xây lắp. Lãi định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định ngành xây dựng cơ bản phải tạo ra để tích lũy cho xã hội.

- **Giá thành kế hoạch:** Là chỉ tiêu được xác định trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành dự toán}$$

Giá thành kế hoạch của sản phẩm xây lắp là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ thấp giá thành của doanh nghiệp.

- **Giá thành thực tế:** Là chỉ tiêu giá thành được xác định theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế- tổ chức- kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Theo phạm vi phát sinh chi phí**

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành sản phẩm được chia làm 2 loại:

- **Giá thành công tác xây lắp thực tế:** phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

- Giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành: là toàn bộ chi phí chi ra để tiến hành thi công công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao cho bên chủ đầu tư.

1.1.3 Môi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói chung thì giữa chi phí sản xuất và giá thành có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

* Về mặt bản chất chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Giống nhau về chất vì đều biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình sản xuất, xây dựng để hoàn thành một công trình, hạng mục công trình.

Tuy nhiên, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có sự khác nhau:

* Về mặt lượng: khi nói đến chi phí sản xuất là giới hạn cho chúng một thời kỳ nhất định, không phân biệt là loại sản phẩm nào, đã hoàn thành hay chưa, còn khi nói đến giá thành là xác định một lượng chi phí nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định. Như vậy chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm.

* Sự khác nhau: giá thành sản phẩm có tính chất chu kỳ để so sánh chi phí với khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành. Tại thời điểm tính giá thành có thể có một khối lượng chưa hoàn thành, chứa đựng một lượng chi phí cho nó đó là chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Và đây kỳ có thể có một khối lượng sản xuất chưa hoàn thành ở kỳ trước chuyển sang để tiếp tục sản xuất, chứa đựng một lượng chi phí cho nó - đó là chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ. Như vậy, giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ bao gồm chi phí sản xuất của kỳ trước chuyển sang và một phần của chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Công thức giá thành được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm xây lắp} \\ \text{hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau hoặc ở các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ}$$

Từ công thức giá thành trên ta thấy, các khoản chi phí sản xuất hợp thành giá thành sản phẩm nhưng không phải mọi chi phí sản xuất đều được tính vào giá thành sản phẩm mà chi phí sản xuất gồm toàn bộ các khoản đã chi ra trong kỳ phục vụ cho xây dựng đối với các doanh nghiệp xây lắp và giá thành chỉ giới hạn số chi phí đã chi ra liên quan đến công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Có những chi phí được tính vào giá thành nhưng không được tính vào chi phí kỳ này (là các chi phí phân bổ nhiều kỳ).

Có nhiều chi phí phát sinh trong kỳ nhưng chưa có sản phẩm hoàn thành. Do đó chưa có giá thành.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm còn khác nhau ở giá trị sản xuất sản phẩm dở và giá trị sản xuất sản phẩm hỏng.

Như vậy, chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm hay giá thành sản phẩm để có được khối lượng sản phẩm hoàn thành.

Có thể thấy sự không đồng nhất giữa chi phí sản xuất và giá thành, tuy nhiên, cần khẳng định lại rằng: chi phí sản xuất và giá thành là biểu hiện hai mặt của một quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Để tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành ở doanh nghiệp, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau :

- Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với điều kiện thực hiện của doanh nghiệp.

- Vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ) mà doanh nghiệp lựa chọn.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định, theo yếu tố chi phí và khoản mục giá thành.

- Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ hạ giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, từng loại sản phẩm xây lắp, chỉ ra khả năng và biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý, hiệu quả.

- Đánh giá đúng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình, kịp thời lập báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành xây lắp, cung cấp chính xác, nhanh chóng thông tin về chi phí sản xuất, giá thành phục vụ yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

1.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

1.2.1 Đặc điểm của hoạt động xây lắp ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Hoạt động xây lắp là một trong những hoạt động vật chất độc lập, tạo ra tài sản cố định và là cơ sở vật chất - tiền đề cho sự phát triển kinh tế. Tuy nhiên, không giống như các hoạt động sản xuất kinh doanh khác, hoạt động xây lắp mang những đặc trưng kinh tế - kỹ thuật riêng thể hiện rõ ở sản phẩm cũng như quá trình thi công sản xuất sản phẩm. Những đặc trưng này, vì vậy có tác động tới công tác kế toán nói chung, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

- *Thứ nhất:* Quá trình tạo ra sản phẩm xây lắp được tính từ khi khởi công đến khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng. Quá trình này thường rất dài, chi phí sản xuất lớn, tùy thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình, hạng mục công trình. Do đó thường được chia ra thành nhiều giai đoạn khác nhau và thực hiện bàn giao, thanh toán đối với từng phần khối lượng công tác xây lắp hoàn thành, tránh tình trạng ứ đọng vốn lâu dài tại công trình. Việc lập dự toán và tập hợp chi phí trong xây dựng cơ bản do vậy cũng được

lập cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng khoản mục chi phí. Doanh nghiệp xây lắp vì thế cũng quan trọng phân loại chi phí theo khoản mục.

- *Thứ hai:* Hoạt động xây lắp thường diễn ra ngoài trời nên chịu ảnh hưởng nhiều của yếu tố thời tiết, khí hậu,... Đặc điểm này làm cho các doanh nghiệp xây lắp khó lường trước được những khó khăn như gián đoạn sản xuất do mưa, bão hoặc có rủi ro bất ngờ cho sản xuất làm phát sinh nhiều chi phí ngoài dự toán.

- *Thứ ba:* Xây dựng cơ bản có tính lưu động cao theo lãnh thổ nên việc tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp phổ biến theo phương pháp khoán gọn công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì thế cũng được tổ chức theo hình thức khoán. Các đơn vị nội bộ tùy theo mức độ khoán có thể tập hợp chi phí rồi gửi kết quả về công ty hoặc chỉ làm nhiệm vụ thu thập chứng từ gốc ban đầu, toàn bộ công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ được thực hiện tại phòng kế toán công ty.

Như vậy, đặc điểm hoạt động xây lắp ảnh hưởng rất lớn đến công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp. Do vậy, cần phải nghiên cứu kỹ những đặc điểm này để tổ chức bộ máy kế toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

1.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

1.2.2.1 Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà các chi phí sản xuất phát sinh được tổ chức tập hợp và phân bổ theo đó. Giới hạn tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi gây ra chi phí hoặc nơi chịu phí. Để xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí cần căn cứ vào loại hình sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Trong sản xuất xây lắp, với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản phẩm xây lắp có giá trị kinh tế lớn, thường được phân chia thành nhiều khu vực, bộ phận thi công. Mỗi công trình, hạng mục công trình

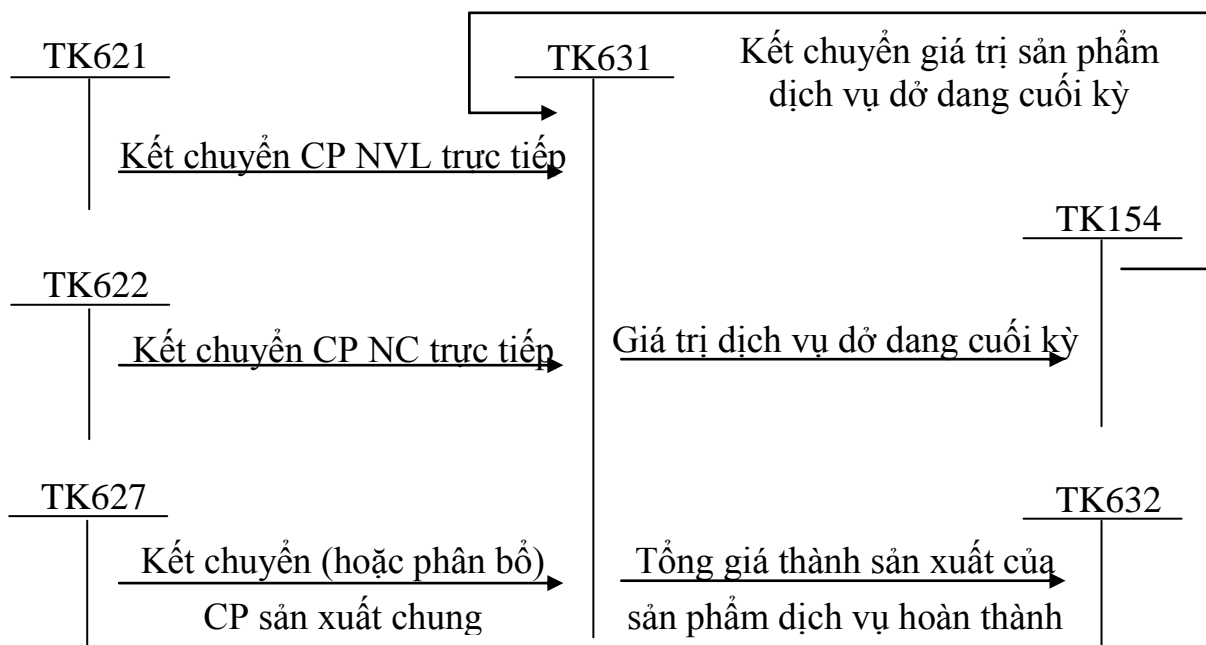
đều có dự toán, thiết kế riêng, cấu tạo vật chất khác nhau nên tùy thuộc vào công việc cụ thể, trình độ quản lý của mỗi doanh nghiệp xây lắp mà đối tượng hạch toán chi phí có thể là từng công trình, hạng mục công trình hay từng đơn đặt hàng.

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên, cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất. Chỉ có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất mới có thể tổ chức tốt công tác hạch toán chi phí. Trên cơ sở đối tượng hạch toán chi phí, kế toán lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí thích ứng. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Trong doanh nghiệp xây lắp có phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng.

1.2.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

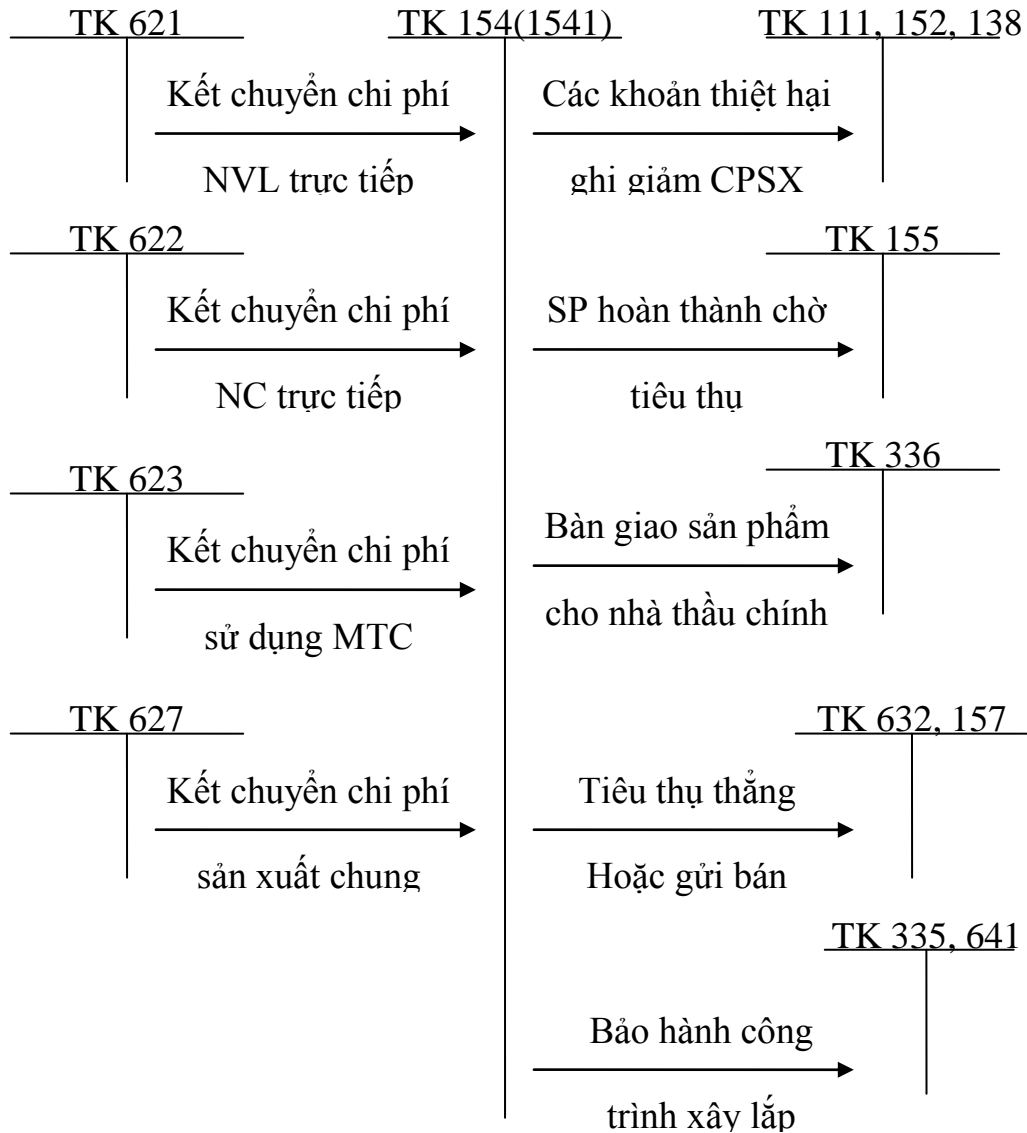
- **Trường hợp 1: Hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Tóm tắt sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



➤ **Trường hợp 2: *Hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

Tóm tắt sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên



So sánh: Cũng tương tự như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản: 621, 622, 623, 627. Tuy nhiên, theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ dùng phản ánh giá trị làm dở lúc đầu kỳ và cuối kỳ, còn việc tính giá thành sản phẩm hoàn thành thực hiện trên TK 631 - Giá thành sản xuất.

1.2.2.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên.

a, Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

Mọi hiện tượng kinh tế xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến việc nhập, xuất vật liệu đều phải được phản ánh vào các chứng từ kế toán một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng chế độ ghi chép ban đầu về vật tư đã được nhà nước ban hành. Hệ thống chứng từ kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình nhập, xuất kho vật liệu là cơ sở để tiến hành ghi chép trên thẻ kho, trên các sổ chi tiết nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý tài sản nói chung, công tác quản lý vật liệu nói riêng. Chứng từ kế toán về nguyên vật liệu gồm có:

Phiếu nhập vật tư (Mẫu số 01- VT)

Phiếu xuất kho vật tư (Mẫu số 02-VT)

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03-VT)

Biên bản kiểm tra vật tư (Mẫu số 08-VT)

Hoá đơn giá trị gia tăng (cơ quan thuế phát hành)

Hoá đơn cước phí vận chuyển (Mẫu số 03-VT)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn. Việc lập các chứng từ kế toán vật liệu phải thực hiện theo đúng quy định về biểu, mẫu, phương pháp ghi chép và trình tự luân chuyển chứng từ.

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 621- Chi phí vật liệu trực tiếp (TK mở chi tiết cho từng loại sản phẩm)

Bên Nợ: Phản ánh trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất xây lắp.

Bên Có:

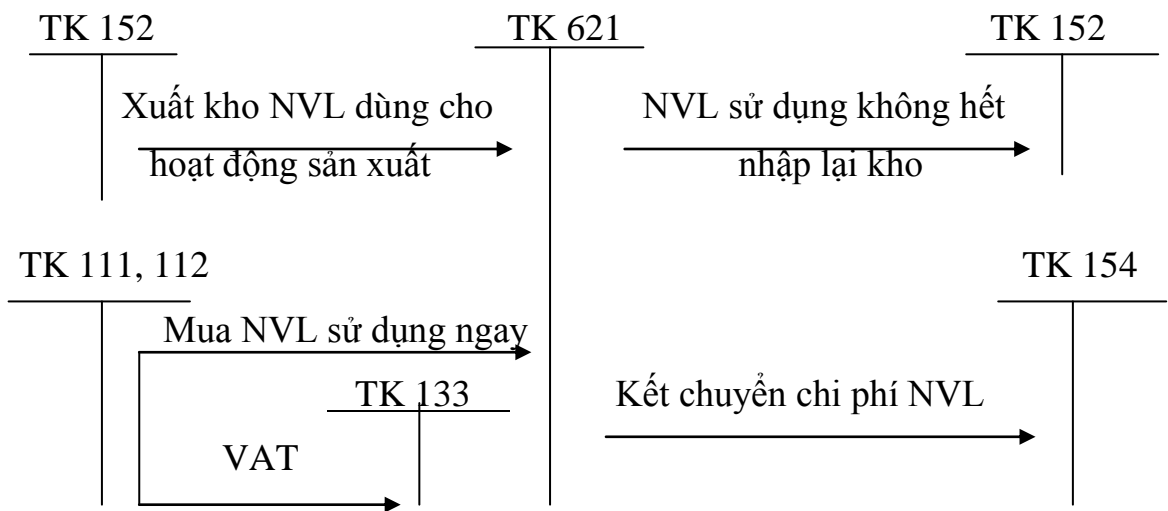
+ Phản ánh trị giá nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng không hết được nhập tại kho

+ Kết chuyển phân bổ giá trị nguyên vật liệu thực tế sử dụng trong kỳ vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

TK 621 không có số dư cuối kỳ

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

**Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
(phương pháp kê khai thường xuyên)**



b, Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí liên quan. Trường hợp chi phí nhân công trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng mà không hạch toán trực tiếp được (như tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, hoặc tiền lương theo thời gian của công nhân sản xuất thực hiện nhiều công tác khác nhau trong ngày...) thì được tập chung, sau đó chọn tiêu chuẩn thích hợp để tính toán phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí có liên quan.

Tiêu chuẩn phân bổ chi phí nhân công trực tiếp có thể là: Chi phí tiền công định mức, giờ công định mức, giờ công thực tế, khối lượng sản phẩm sản xuất...

Chứng từ kế toán sử dụng:

Bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 02-LĐTL)

Bảng thanh toán BHXH (Mẫu số 04-LĐTL)

Bảng thanh toán tiền thưởng (Mẫu số 05-LĐTL)

Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc công việc hoàn thành (Mẫu số 06- LĐTL)

Hợp đồng làm khoán (Mẫu số 08-LĐTL)

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp (mở chi tiết từng loại sản phẩm)

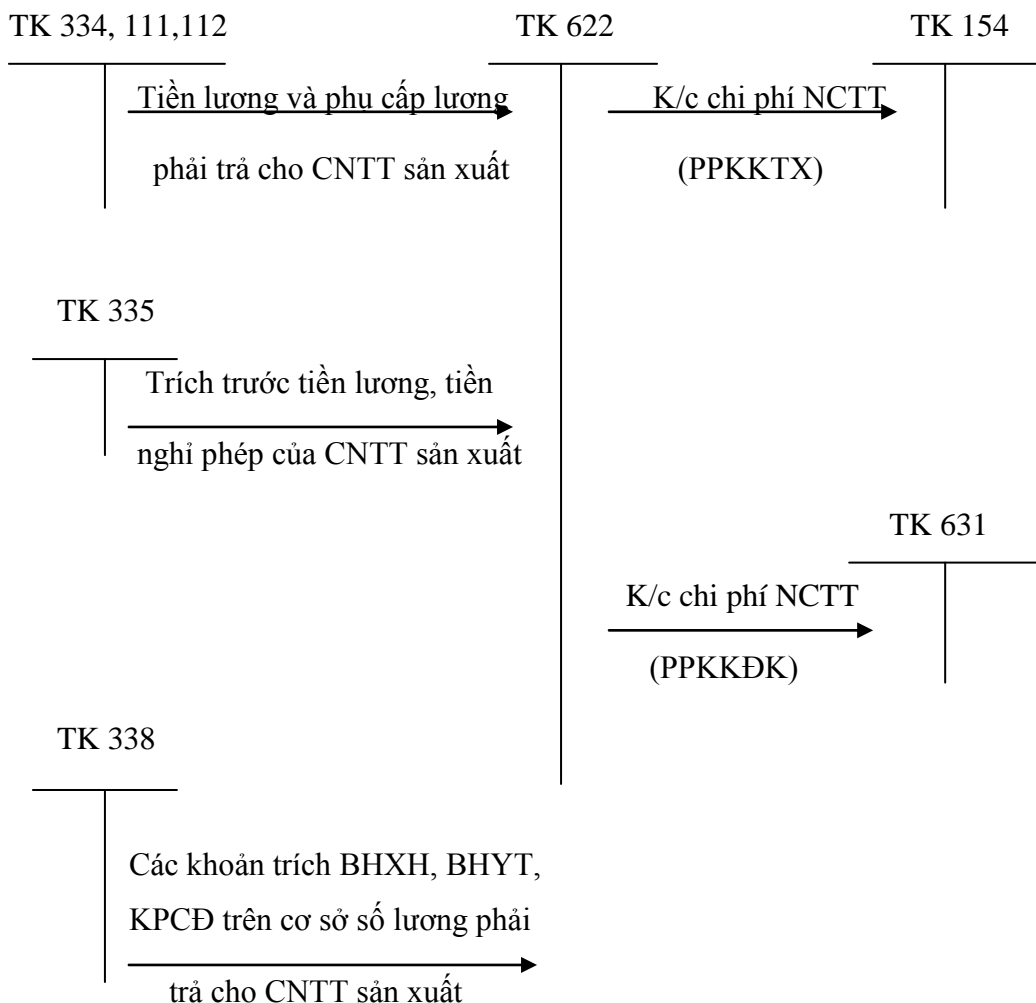
Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp gồm: Tiền lương, tiền công lao động, trả trực tiếp cho công nhân trực tiếp xây lắp

Bên có: Kết chuyển vào bên nợ TK 154

TK 622 cuối kỳ không có số dư

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



c, Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công : dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công như máy đào đất, xúc đất, trộn bê tông... phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

Chi phí máy thi công chiếm một tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp và là một khoản mục chi phí có công dụng riêng biệt, do vậy cần phải tổ chức theo dõi riêng và có phương pháp phân bổ khoa học hợp lý cho các đối tượng sử dụng.

Do đó, người ta chia chi phí sử dụng máy làm thành hai loại :

- Chi phí thường xuyên
- Chi phí tạm thời

Chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp nên việc phân bổ chi phí sử dụng máy cho các đối tượng xây lắp được thực hiện theo từng loại máy, nhóm máy căn cứ vào số ca máy hoạt động thực tế hoặc khối lượng công việc hoàn thành của máy.

Chi phí sử dụng máy phân
bổ cho từng đối tượng xây
lắp = Đơn giá bình quân
1 ca máy x Số ca máy phục vụ
cho từng đối tượng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng :

Chứng từ kế toán sử dụng bao gồm :

- Bảng lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp (nếu có) của công nhân vận hành máy
- Phiếu chi, hoá đơn, phiếu nhập xuất liên quan đến máy thi công
- Bảng trích khấu hao máy

❖ Tài khoản sử dụng :

TK 623- Chi phí sử dụng máy thi công

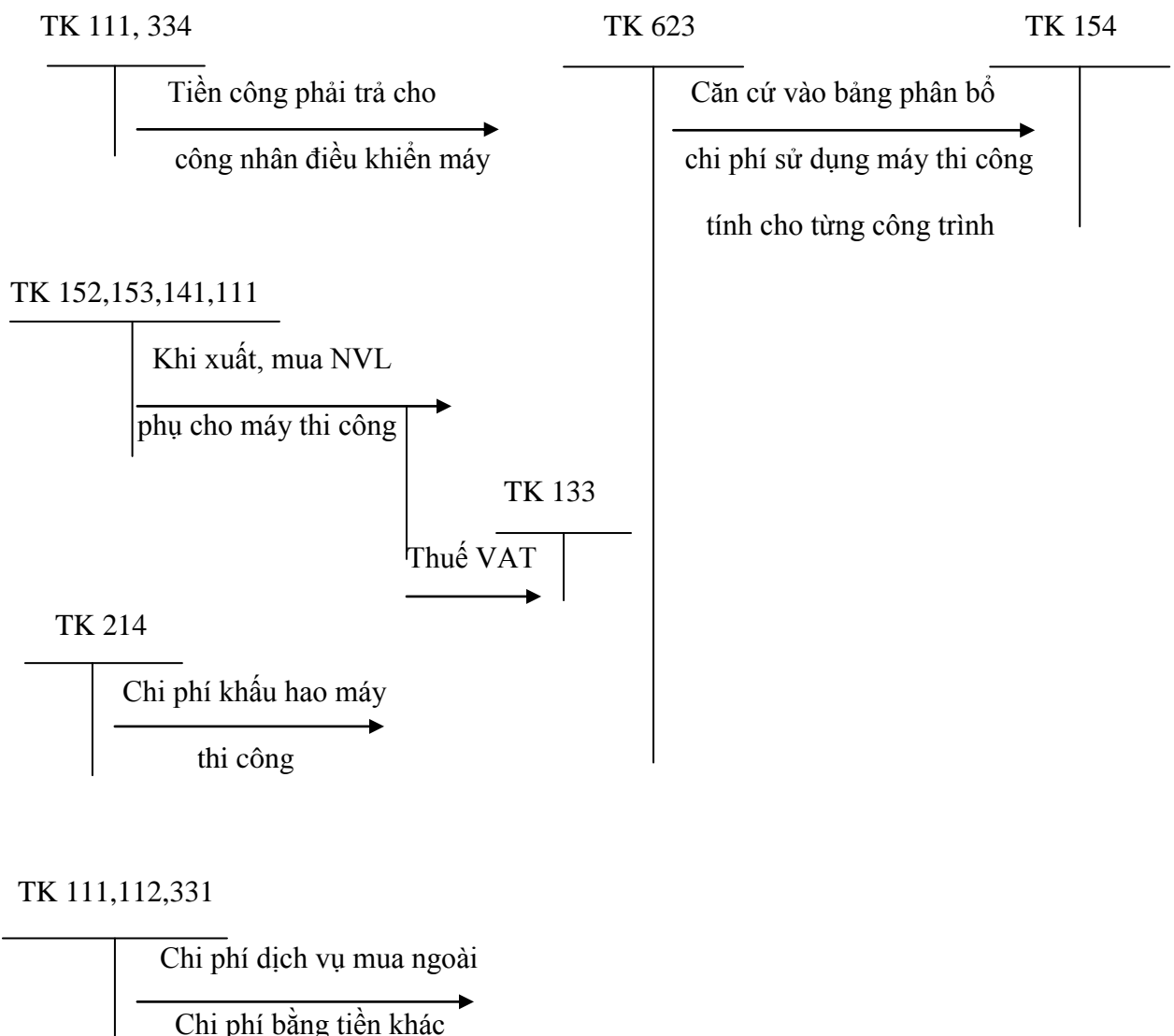
Bên nợ : Các chi phí có liên quan đến máy thi công (chi phí nguyên vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sản xuất máy thi công...)

Bên có : Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào bên nợ TK 154

TK 623 cuối kỳ không có số dư

❖ **Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công:**

(Trường hợp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt, thi công hỗn hợp vừa bằng máy, vừa thủ công)



d, Kế toán chi phí sản xuất chung:

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí phục vụ sản xuất xây lắp, những chi phí có tính chất dùng chung cho hoạt động xây lắp gắn liền với từng công trường cụ thể:

- Chi phí nhân viên phân xưởng
- Chi phí vật liệu
- Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Do đó chứng từ kế toán sử dụng cũng bao gồm:

- Bảng lương và các khoản trích theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản phụ cấp (nếu có)
- Phiếu xuất vật tư, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ ngân hàng, hoá đơn
- Bảng trích khấu hao TSCĐ

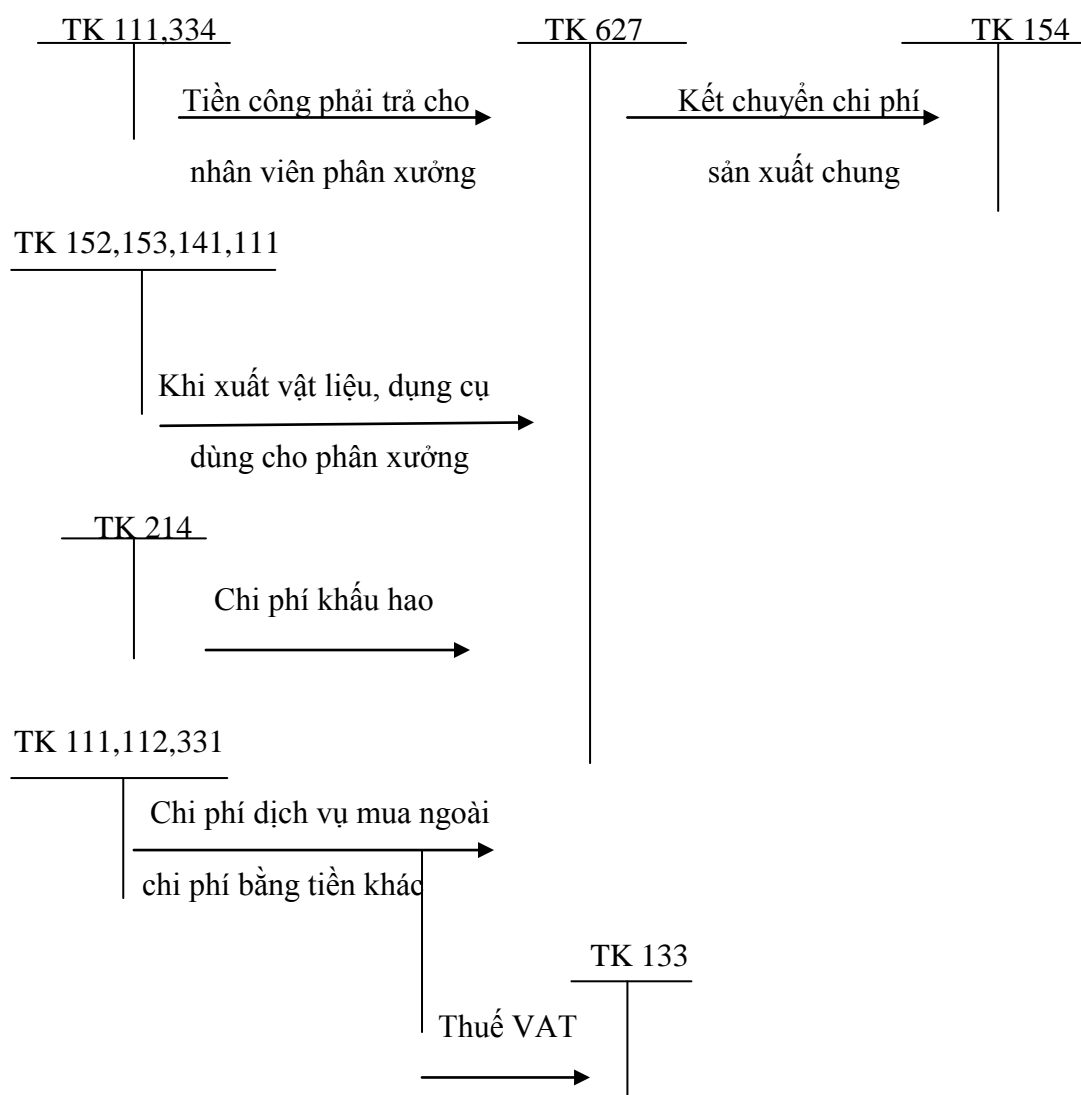
❖ **TK sử dụng:**

TK 627- Chi phí sản xuất chung

Bên nợ: Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ bao gồm: Lương nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng, của công nhân xây lắp, trích BHXH, KPCĐ, BHYT được tính theo tỷ lệ (%) quy định hiện hành trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động đội và các chi phí khác có liên quan.

Bên có: Các chi phí giảm chi phí sản xuất chung, kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên nợ TK 154.

❖ **Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung:**



e, Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.

❖ **Nội dung chi phí:**

Sau khi tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, cuối kỳ kế toán kết chuyển các chi phí vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

❖ **Nguyên tắc hạch toán:**

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành dựa

vào các chi phí phát sinh trong kỳ đã được tập hợp được theo từng công trình, hạng mục công trình.

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

Tài khoản dùng để tập hợp chi phí sản xuất là tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, tài khoản này được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí, theo từng công trình, hạng mục công trình.

TK 154 có 4 tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 1541: Xây lắp
- ✓ TK 1542: Sản phẩm khác
- ✓ TK 1543: Dịch vụ
- ✓ TK 1544: Chi phí bảo hành xây lắp

Khi công trình quyết toán, kế toán xác định giá vốn hàng bán:

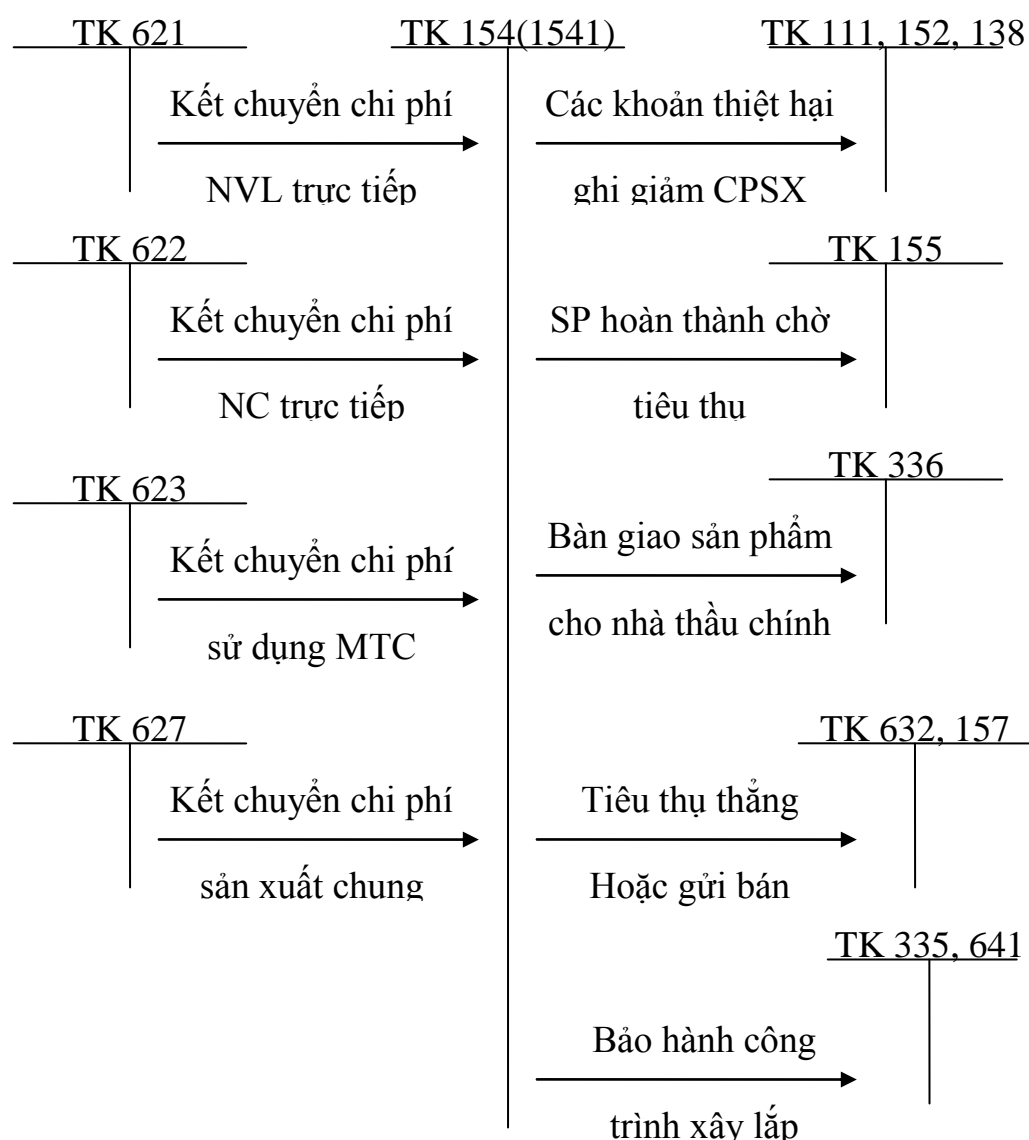
Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

Bảng tính và phân bổ chi phí vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung,...

❖ **Sơ đồ hạch toán:** Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên.

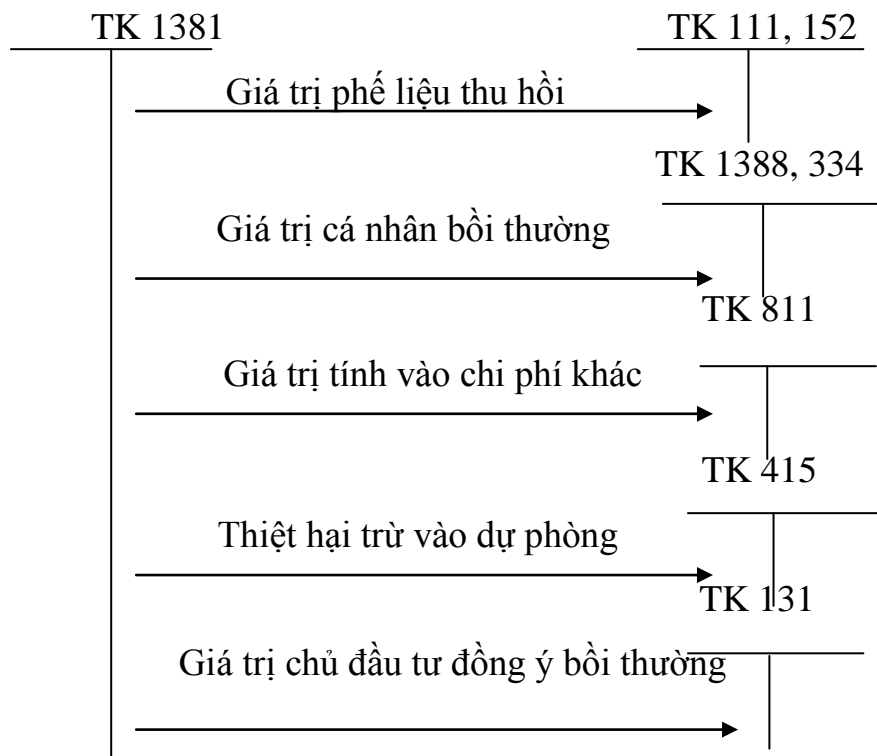


1.2.2.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.

Các doanh nghiệp sản xuất nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng đều không thể tránh được những thiệt hại trong quá trình sản xuất, đặc biệt do đặc điểm của ngành xây dựng là tiến hành ngoài trời nên phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên vì vậy có thể gặp nhiều rủi ro, tạo nên những khoản thiệt hại bất ngờ ngoài dự toán. Đây là những nguyên nhân làm tăng chi phí, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó, kế toán phải hạch toán chính xác giá trị thiệt hại trong sản xuất và đúng với nguyên nhân của thiệt hại nhằm phản ánh đúng kết quả sản xuất và giúp doanh nghiệp đưa ra được những biện pháp xử lý kịp thời để tránh các thiệt hại về sau.

Thiệt hại trong sản xuất xây lắp bao gồm thiệt hại phá đi làm lại và thiệt hại ngừng sản xuất. Thiệt hại phá đi làm lại: do xây lắp sai thiết kế, không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, không được bên giao thầu nghiệm thu buộc phải thêm chi phí sửa chữa hoặc phá đi làm lại cho đạt yêu cầu nghiệm thu. Thiệt hại do ngừng sản xuất: do các nguyên nhân về thời tiết, do không cung ứng kịp thời vật tư, nhân công...

Việc hạch toán thiệt hại về ngừng sản xuất giống như các doanh nghiệp công nghiệp. Đối với thiệt hại về phá đi làm lại, kế toán cần mở sổ theo dõi riêng.



1.2.2.5 Kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ trong doanh nghiệp xây lắp.

Để phục vụ cho việc tính giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, định kỳ (tháng, quý) doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê khối lượng công việc đã hoàn thành hay đang dở dang. Hơn nữa, để tính giá thành sản phẩm xây lắp chính xác đòi hỏi công tác kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang phải được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời, đồng thời phải phát hiện được tổn thất trong quá trình thi công.

Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong sản xuất xây lắp phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên nhận thầu và

bên giao thầu. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành toàn bộ thì giá trị sản phẩm dở dang là tổng chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến cuối tháng đó. Nếu quy định thanh toán sản phẩm xây lắp theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì giá trị sản phẩm dở dang là giá trị khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn dở dang theo giá trị dự toán của chúng hoặc theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương. Công thức phân bổ như sau:

• Theo giá trị dự toán

	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ	
Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	-----	x	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ
	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ	+	Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	

• **Theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương**

	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang	+	Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện	
Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	đầu kỳ		trong kỳ	Chi phí theo dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính theo sản lượng hoàn thành tương đương

=	Chi phí của khối lượng xây lắp bàn giao trong kỳ theo dự toán	+	Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang theo dự toán đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương	x kỳ đã tính theo sản lượng hoàn thành tương đương

1.2.3 Kế toán xác định giá thành sản phẩm xây lắp.

1.2.3.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Do có sự khác nhau cơ bản về giới hạn tập hợp chi phí trong hạch toán chi phí sản xuất và sản phẩm hoàn thành cần phải tính giá thành một đơn vị, việc hạch toán quá trình sản xuất có thể phân thành hai giai đoạn là giai đoạn xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và giai đoạn xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm là xác định đối tượng mà hao phí vật chất của doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Trong doanh nghiệp xây lắp, do sản phẩm mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm đều có một dự toán và thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành được xác định là các công trình, hạng mục công trình, các giai đoạn công việc, các khối lượng xây lắp có tính dự toán riêng đã hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm của kế toán. Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp, giúp cho

kế toán tổ chức mở sổ và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp xây lắp.

1.2.3.2 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là một phương pháp hay hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành đơn vị sản phẩm. Trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán thường sử dụng các phương pháp sau:

*** Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)**

Theo phương pháp này, chi phí sản xuất được tập hợp cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất (cũng là đối tượng tính giá thành). Đối với loại chi phí chỉ liên quan đến một đối tượng thì tập hợp trực tiếp vào sổ chi tiết của đối tượng đó, còn loại chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng thì kế toán dựa vào một tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ loại chi phí này cho từng đối tượng vào sổ chi tiết tương ứng. Đến kỳ tính giá thành, kế toán dựa vào sổ tập hợp chi phí sản xuất và kết quả kiểm kê, xác định giá trị sản phẩm dở dang để tính giá thành sản phẩm hoàn thành theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Tổng giá thành} & \text{Giá trị SP} & \text{Chi phí SX} & \text{Các phát} & \text{Giá trị SP} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{thực tế} & \text{sinh giảm} & \text{dở dang} \\ \text{hoàn thành} & & \text{trong kỳ} & \text{CPSX} & \text{cuối kỳ} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \end{array}$$

Phương pháp này được sử dụng khá phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay bởi vì sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí thường phù hợp với đối tượng tính giá thành và do cách tính đơn giản, dễ thực hiện của phương pháp này.

*** Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng**

Các doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng cụ thể, đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Đặc điểm của việc hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh đều được tập hợp theo từng đơn đặt hàng. Đối với các chi phí trực tiếp (nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp...) phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì được hạch

toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo các chứng từ gốc (hay bảng phân bổ chi phí). Đối với chi phí sản xuất chung, sau khi tập hợp xong sẽ phân bổ cho từng đơn theo tiêu thức phù hợp.

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không đồng nhất với kỳ báo cáo. Đối với những đơn đặt hàng đến kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp theo đơn đó đều coi là sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với những đơn đặt hàng đã hoàn thành thì tổng chi phí đã tập hợp được theo đơn đó chính là tổng giá thành sản phẩm theo đơn.

*** Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này thích hợp với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, quá trình sản xuất có thể được tiến hành thông qua các đội sản xuất khác nhau mới hoàn thành được sản phẩm. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$Z = D \text{ đk} + C1 + C2 + \dots + Cn - D \text{ ck}$$

Trong đó: C1, C2, ..., Cn là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

*** Phương pháp định mức**

Phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có quy trình sản xuất đã định hình và đi vào ổn định, đồng thời doanh nghiệp đã xây dựng được các định mức vật tư, lao động có căn cứ kỹ thuật và tương đối chính xác. Việc quản lý và hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dựa trên cơ sở hệ thống định mức. Dựa vào hệ thống định mức, kế toán xác định giá thành đơn vị định mức sản phẩm, đồng thời cũng phải theo dõi chặt chẽ tình hình thay đổi định mức trong kỳ và tình hình chi tiêu cho sản xuất so với định mức. Giá thành sản phẩm được xác định như sau:

$$\frac{\text{Giá thành thực tế của sản phẩm}}{\text{mức của sản phẩm}} = \frac{\text{Giá thành định mức của sản phẩm}}{\text{định mức}} + \frac{\text{chênh lệch}}{\text{định mức}} + \frac{\text{Thay đổi}}{\text{định mức}}$$

Trong đó, giá thành định mức của sản phẩm được xác định căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành; chênh lệch định mức là số chênh lệch do thoát ly định mức (do tiết kiệm hoặc vượt chi); thay đổi định mức là do định mức kỳ này thay đổi so với kỳ trước.

$$\begin{array}{l} \text{Chênh lệch do thoát ly} = \text{Chi phí thực tế} \quad - \quad \text{Chi phí định mức} \\ \text{định mức} \quad \quad \quad (\text{theo từng khoản mục}) \quad \quad (\text{theo từng khoản mục}) \end{array}$$

$$\text{Thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} \quad - \quad \text{Định mức cũ}$$

Thông qua phương pháp này, doanh nghiệp có thể kiểm tra tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí sản xuất và tình hình sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hay lãng phí chi phí, phát hiện kịp thời các nguyên nhân làm tăng giá thành, từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

1.2.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

1.2.4.1 Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

Theo chế độ quy định, các doanh nghiệp xây lắp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, do đó, hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp là theo phương pháp KKTX. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời

Để tổng hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm kế toán sử dụng tài khoản 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp (công trình, hạng mục công trình...). Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí thực tế phát sinh trong kì.

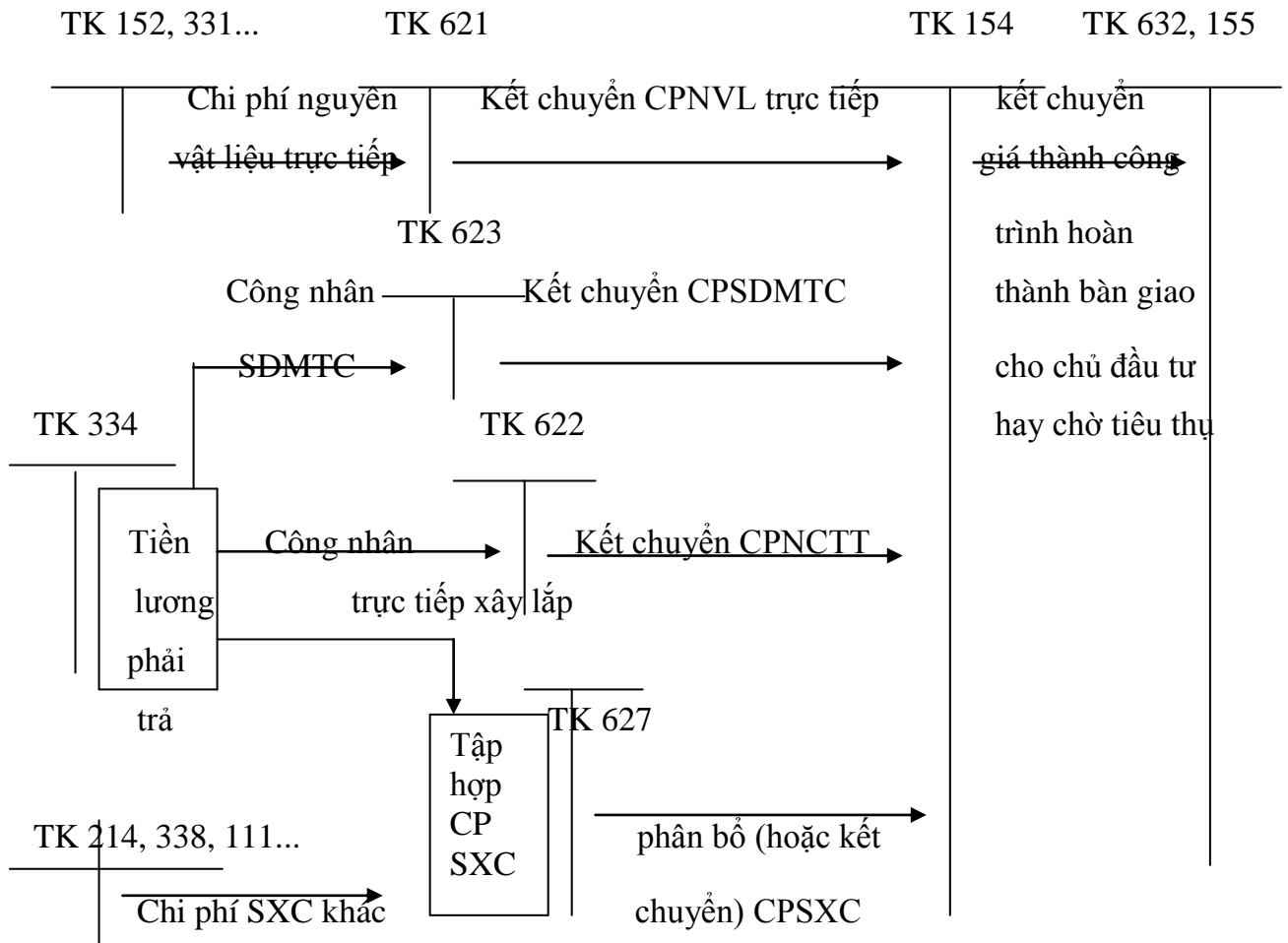
Bên Có: - Các khoản giảm chi phí.

- Tổng giá thành sản xuất của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Dư Nợ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản 621, 622, 623, 627 để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ.

Sơ đồ hạch toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp



1.2.4.2 Các bước hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành.

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại với tính chất và nội dung khác nhau. Việc tập hợp chi phí phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học thì mới có thể tính giá thành một cách chính xác, kịp thời. Trình tự này phụ thuộc vào tính chất, đặc điểm sản xuất của từng ngành, nghề, từng doanh nghiệp, trình độ quản lý và hạch toán... Đối với doanh nghiệp xây lắp, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thường qua các bước sau:

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí (công trình, hạng mục công trình...).

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ có liên quan trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và đơn giá của lao vụ đó.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình có liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Bước 4: Kiểm kê, xác định sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Bước 5: Tính giá thành sản phẩm theo đối tượng tính giá thành (công trình, hạng mục công trình).

1.2.5 Hạch toán hoạt động xây lắp theo phương thức khoán gọn.

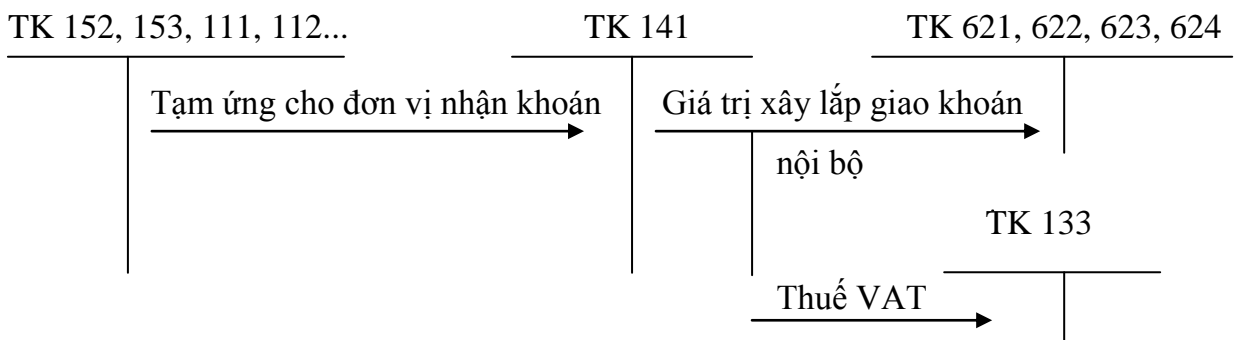
Chuyển sang cơ chế thị trường, hoạt động xây dựng cơ bản có nhiều thay đổi. Một trong những thay đổi đó là phương thức khoán gọn trong xây lắp được sử dụng ngày càng phổ biến. Các đơn vị nhận khoán (xí nghiệp, tổ, đội...) có thể nhận khoán gọn khối lượng, công việc hoặc hạng mục công trình. Giá nhận khoán bao gồm cả chi phí tiền lương, vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung.

Khi nhận khoán, hai bên giao khoán và nhận khoán phải lập hợp đồng giao khoán trong đó ghi rõ nội dung công việc, trách nhiệm, quyền lợi mỗi bên và thời hạn thực hiện hợp đồng. Khi hoàn thành công trình nhận khoán và bàn giao, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng.

1.2.5.1 Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

a, Hạch toán tại đơn vị giao khoán

Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất tại đơn vị giao khoán



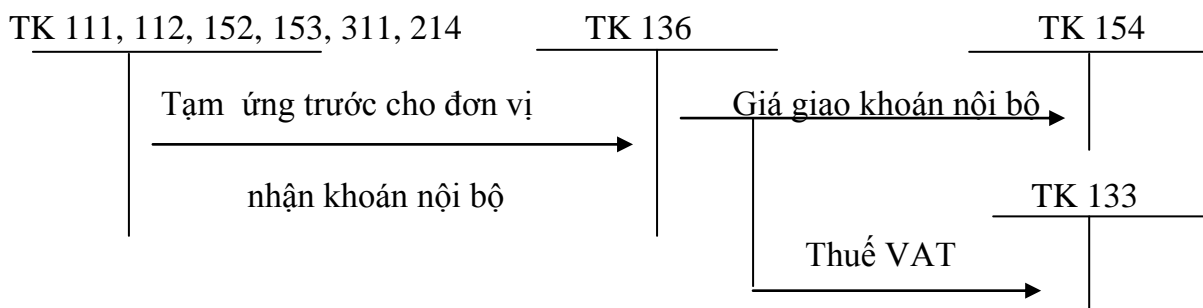
b, Hạch toán tại đơn vị nhận khoán

Đơn vị nhận khoán không có bộ máy kế toán riêng mà chỉ có nhân viên thực hiện công tác ghi chép ban đầu và mở sổ theo dõi khối lượng xây lắp nhận khoán cả về giá trị nhận khoán và chi phí thực tế theo từng khoản mục chi phí. Số chênh lệch giữa chi phí thực tế với giao khoán là mức tiết kiệm hoặc vượt chi của đơn vị nhận khoán.

1.2.5.2 Trường hợp đơn vị nhận khoán có tổ chức bộ máy kế toán riêng.

a, Hạch toán tại đơn vị giao khoán

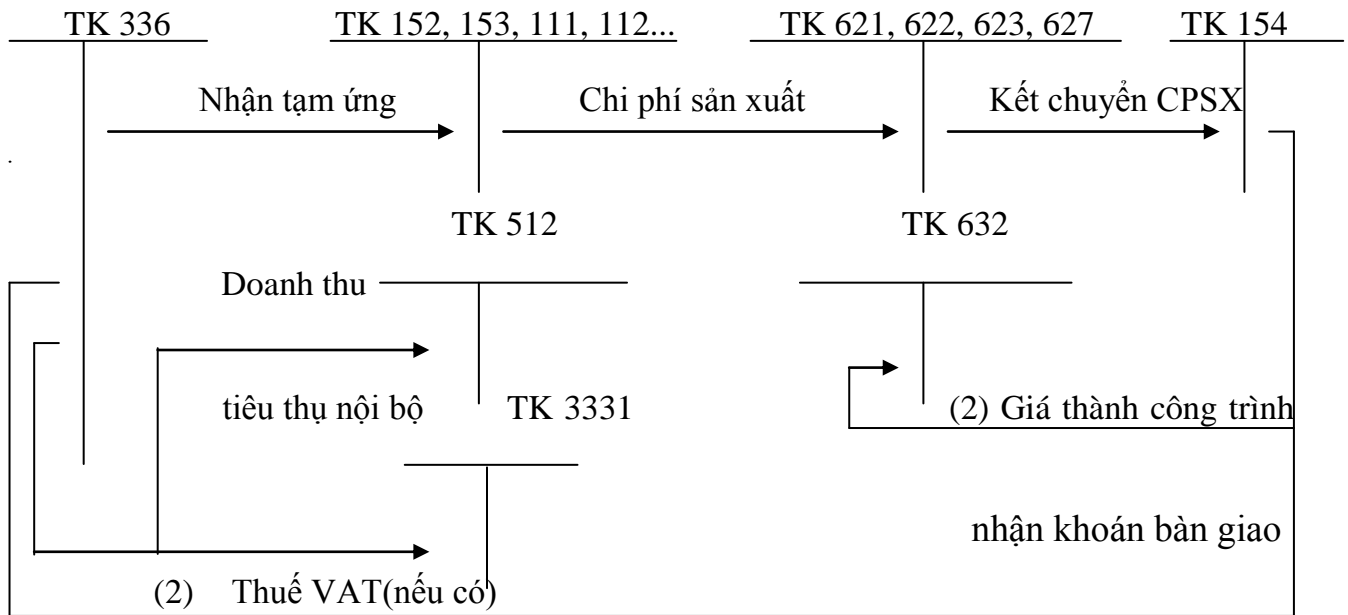
Kế toán tại đơn vị cấp trên (đơn vị giao khoán) sử dụng tài khoản 136 (1362- phải thu về giá trị khối lượng xây lắp giao khoán nội bộ) để phản ánh toàn bộ giá trị mà đơn vị ứng về vật tư, tiền, khấu hao tài sản cố định...cho các đơn vị nhận khoán nội bộ, chi tiết theo từng đơn vị. Đồng thời tài khoản này cũng sử dụng để phản ánh giá trị xây lắp hoàn thành nhận bàn giao từ các đơn vị nhận khoán nội bộ có phân cấp quản lý riêng. Tài khoản này theo quy định chỉ sử dụng ở đơn vị giao khoán.



b, Hạch toán tại đơn vị nhận khoán

Kế toán đơn vị cấp dưới (đơn vị nhận khoán) sử dụng tài khoản 336 (3362- phải trả về giá trị khối lượng xây lắp nội bộ) để phản ánh tình hình nhận tạm ứng và quyết toán giá trị khối lượng xây lắp nhận khoán nội bộ với đơn vị giao khoán (cấp trên).

Sơ đồ hạch toán tại đơn vị hạch toán



(1) Giá trị xây lắp nhận khoán nội bộ bàn giao

(1) - Đơn vị nhận khoán không hạch toán kết quả

(2) - Đơn vị nhận khoán hạch toán kết quả

1.2.6 Phân tích giá thành sản phẩm xây lắp.

1.2.6.1 Ý nghĩa của việc phân tích giá thành sản phẩm xây lắp.

Để quản lý tốt chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp, các doanh nghiệp thường lập giá thành kế hoạch trước khi bắt đầu thực hiện thi công các công trình. Cuối kỳ, sẽ hạch toán tính ra giá thành thực tế và so sánh với giá thành kế hoạch để có biện pháp điều chỉnh và quản lý chi phí. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của Công ty cho phép các nhà quản lý đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và các nguyên nhân cụ thể tác động tới sự biến động của giá thành, tình hình tiết kiệm hay vượt chi trên từng khoản chi phí. Từ đó, đánh giá được chính xác tình hình quản lý giá thành của doanh nghiệp, đưa ra được các biện pháp hữu hiệu để giảm giá thành.

1.2.6.2 Nội dung, trình tự và phương pháp phân tích.

Bước công việc đầu tiên khi phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành là việc đánh giá chung. Việc đánh giá chung được thực hiện bằng phương pháp: So sánh giữa giá thành thực tế và giá thành kế hoạch cả về số tuyệt đối và số tương

đổi. Qua kết quả so sánh, sẽ nêu lên nhận xét chung về tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm.

Để có kết luận chính xác về tình hình quản lý chi phí, cần phải đi sâu vào tình hình thực hiện kế hoạch trên từng khoản mục giá thành (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung).

Bên cạnh việc phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của từng khoản mục chi phí, cần thiết phải phân tích cơ cấu giá thành sản phẩm. Bằng cách xem xét tỷ trọng của từng khoản mục chiếm trong giá thành sản phẩm và xu hướng biến động của cơ cấu giá thành, sẽ được đánh giá mức độ hợp lý của các khoản mục tạo nên giá thành sản phẩm.

Cuối cùng, trên cơ sở phân tích ở trên, chỉ rõ nguyên nhân làm tăng giá thành sản phẩm. Từ đó, đề xuất biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

CHƯƠNG II:

TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG.

2.1 Khái quát chung về công ty.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.

2.1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.

Tên Doanh nghiệp	: Công ty Cổ phần Xây lắp Hạ Long
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	: Halong Construction Joint Stock Company
Tên viết tắt	: Halong.SCO
Địa chỉ	: 407 Lê Lai - Ngô Quyền - Hải phòng
Điện thoại	: 837268 - 767194
Fax	: 84 31 768373
E-Mail	: ctcphalong@vnn.vn

Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long được thành lập theo quyết định số 1224/QĐ-BTS ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Thủy Sản. Có giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203000969 ngày 12/08/2004 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp. Vốn khi có quyết định thành lập là 3.700.000.000 VNĐ.

Trong quá trình vận hành theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Công ty cổ phần Xây lắp Hạ Long đã dần khẳng định vị thế của mình trên mặt bằng Thành phố Hải Phòng, Hà Nội, Hải Dương ... Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty ngày càng mở rộng thị trường, tạo niềm tin đối với các đối tác và cơ quan quản lý liên quan.

2.1.1.2 Các ngành kinh doanh chính.

Một số chức năng hoạt động cơ bản của Công ty là:

- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.
- Xây lắp các công trình thủy: triền tàu, cầu cảng, bến dốc và các công trình thủy nông.

- Xây lắp các công trình điện năng, điện thế.
- Xây lắp các công trình phục vụ khai thác, nuôi trồng thủy sản.
- Kinh doanh và lắp đặt máy lạnh, máy chế biến thủy sản.
- Sản xuất, kinh doanh hàng hoá, vật tư, vật liệu xây dựng cơ bản.
- Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà đất.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2.1.1.3 Tình hình tài chính doanh nghiệp.

Tóm tắt tài sản Có và tài sản Nợ trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính đã được kiểm toán trong vòng 3 năm tài chính vừa qua kèm theo bản báo cáo về tài chính (*Có xác nhận của cơ quan Tài chính hoặc Kiểm toán*).

Đơn vị tính: 1.000đồng

<i>TT</i>	Tài sản	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
01	Tổng tài sản có	21.877.131	23.669.942	21.866.367
02	Tài sản có lưu động	17.957.357	19.922.743	18.288.357
03	Tổng số tài sản nợ	21.877.131	23.669.942	21.868.367
04	Tài sản nợ lưu động	18.518.641	21.869.047	18.363.463
05	Lợi nhuận trước thuế	154.750	197.018	488.172
06	Lợi nhuận sau thuế	104.940	141.853	351.484
07	Doanh thu thuần	30.168.678	42.634.089	50.455.689
08	Vốn kinh doanh năm	7.559.944	8.998.951	8.669.624

Doanh thu trong 3 năm gần đây :

<i>TT</i>	Năm	Doanh thu VNĐ
1	Năm 2008	30,16 tỷ
2	Năm 2009	42,63 tỷ
3	Năm 2010	50,46 tỷ

2.1.1.4 Tài sản hiện có.

- Khu văn phòng tại số 407 Lê Lai	3.000 m ²
- Mặt bằng sản xuất kinh doanh VL KM9 QL5	4.530 m ²
- Thiết bị thi công chủ yếu	30 chiếc
- Khu xưởng cơ khí - mộc	2000 m ²

2.1.1.5 Kinh nghiệm nghề nghiệp.

- Xây dựng dân dụng và công nghiệp 35 năm
- Lắp đặt thiết bị kỹ nghệ lạnh 35 năm
- Công trình nuôi trồng chế biến thủy sản 35 năm
- Được Nhà nước tặng : Huân chương lao động hạng ba
Huân chương lao động hạng nhì
- Công trình đạt chất lượng cao :
 - *Trạm nghiên cứu thủy sản nước lợ Quý Kim - Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I*
 - *Nhà giới thiệu sản phẩm - Công ty cổ phần ĐH Hạ Long*
 - *Khu nghiên cứu nuôi trồng biển Cát bà - Hải Phòng.*

2.1.1.6 Năng lực cán bộ CNV.

Tổng số cán bộ công nhân viên: 780 người (trong đó có 82 cán bộ quản lý)

Năng lực cán bộ chuyên môn kỹ thuật

Số TT	Cán bộ chuyên môn	Số lượng
1	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	24
2	Kiến trúc sư	4
3	Kỹ sư điện - nước	5
4	Kỹ sư cầu đường, công trình thủy	7
5	Cử nhân kế toán – kinh tế xây dựng	13
6	Kỹ thuật viên đo đạc	4
7	Kỹ sư cơ khí	4
	Tổng số	61

TT	Ngành nghề	Tổng số	Bậc thợ			
			3	4	5	6
A	Công nhân xây dựng					
1	Thợ nề	222	77	120	14	11
2	Thợ mộc	50	10	30	10	
3	Thợ sắt	159	19	104	36	
B	Công nhân cơ khí + cơ giới					
1	Điện - Nước	36	10	9	6	11
3	Thợ cơ khí, hàn	160	6	140	14	
4	Lái xe	10		10		
	Tổng số	637	122	413	80	22

2.1.1.7 Năng lực thiết bị hiện có.

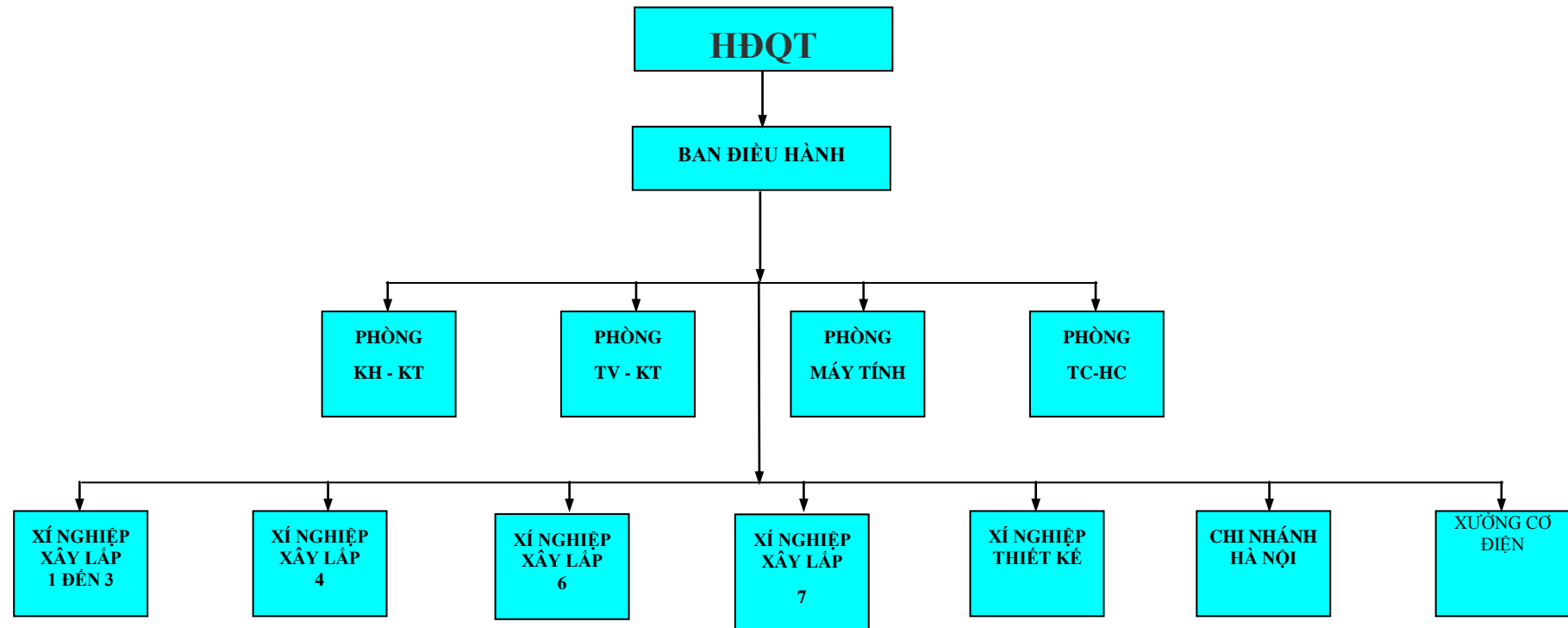
TT	Thiết bị thi công	Nơi SX	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Máy trộn bê tông	T Quốc	10	250 - 560L
2	Máy trộn vữa	Nhật	5	80 - 150L
3	Máy hàn tự phát, hàn hồ quang	Ba Lan	1	15 - 24KVA
4	Máy bơm nước	T Quốc	5	50 - 70m ³ /h
5	Máy đào bánh lốp	Nhật	1	0,6m ³
6	Máy ép cọc	VN	2	100T
7	Máy vận thăng 70-40m	Nhật	2	0,5 tấn
8	Xe ô tô tự đổ, Cần cẩu KaTo	Đức	2	5 - 7T, 20T
9	Máy khoan đứng $\varnothing < 50$	Nhật	1	6KW
10	Máy tiện Chewai	Nhật	1	3,7KW
12	Máy đầm dùi bê tông	Liên Xô	10	1,5kw
13	Máy đầm bàn, đầm đất	TQ, Nhật	8	1,5KW
14	Lu rung, máy ủi, búa đóng cọc	Nhật	3	
15	Dàn giáo Tiệp	Tiệp	10	Giáo Tiệp
16	Máy phun sơn,	TQ, VN	8	1kw
17	Máy thủy bình, kính vĩ	Nga-Nhật	8	

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức gồm : HĐQT, ban điều hành có Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và các bộ máy giúp việc, các đơn vị trực thuộc Công ty.

Sơ đồ tổ chức Công ty CP xây lắp Hạ Long (xem trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG



Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban.

❖ Chủ tịch hội đồng quản trị

Xây dựng chiến lược SXKD ngắn, trung và dài hạn của Công ty. Giám sát tổ chức Điều lệ, Quy chế, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông về việc HĐQT thực hiện đó.

Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, quy định quy chế làm việc của HĐQT và phân công công tác đối với các thành viên HĐQT.

Xem xét đề xuất của Giám đốc để quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp của giám đốc các đơn vị trực thuộc gồm: trưởng, phó phòng ban, chi nhánh.

Chịu trách nhiệm trước đại hội cổ đông về việc HĐQT thực hiện nghị quyết, quy định của đại hội cổ đông.

Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động hàng năm của công ty.

❖ Tổng giám đốc công ty

Là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch. Là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội cổ đông và trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty.

Tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ do HĐQT giao, những chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ban hành.

Chịu trách nhiệm về các văn bản báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với HĐQT, Ban kiểm soát, Đại hội cổ đông.

Bảo toàn phát triển vốn, thực hiện phương án SXKD.

Trực tiếp chịu trách nhiệm công tác cải cách hành chính, xây dựng quy chế quản lý hoạt động SXKD của công ty.

Ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng kinh tế và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc ký kết đó.

❖ Ban kiểm soát

Là người thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành công ty.

Phân công các kiểm soát viên phụ trách trong công việc.

Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo, quyết toán năm tài chính của công ty và khắc phục các sai phạm.

Đề nghị chủ tịch HĐQT, giám đốc công ty chỉ thị cho các phòng ban nghiệp vụ của công ty cung cấp thông tin tình hình, số liệu thuyết minh các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ, quy chế công ty và Luật doanh nghiệp.

❖ Phó tổng giám đốc

Phụ trách các đơn vị sản xuất, phòng ban và các công việc cụ thể khác do tổng giám đốc phân công.

Đại diện lãnh đạo về HĐQT (đối với phó tổng giám đốc điều hành).

Thay mặt tổng giám đốc giải quyết các công việc chỉ đạo sản xuất từng đơn vị từng khu vực, những công việc được tổng giám đốc phân công cụ thể.

Được uỷ quyền ký các hợp đồng kinh tế, ký các hồ sơ, ký thanh toán.

❖ Phòng Kế hoạch - kỹ thuật

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý các hoạt động kế hoạch, sản xuất kinh doanh, quản lý kỹ thuật trong toàn Công ty.

- Lập các văn bản báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất của phòng, Công ty.

- Tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ của phòng do T.Giám đốc Công ty giao.

- Kiểm tra, hướng dẫn toàn bộ công tác kỹ thuật từ Công ty xuống các đơn vị sản xuất. Kiểm tra công tác an toàn trong quá trình tổ chức thi công, tổng kết tiến độ kỹ thuật và công tác quản lý kỹ thuật.

- Lập kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất.

- Quản lý các hồ sơ thanh quyết toán công trình và các hợp đồng kinh tế liên quan đến kế hoạch sản xuất của Công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị sản xuất thực hiện các hợp đồng kinh tế thi công công trình, kiểm tra tiến độ thi công các công trình.
 - Lập báo cáo hàng tháng, quý, năm của Công ty và đôn đốc các đơn vị sản xuất thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ quy định của Công ty.
 - Phối kết hợp với các đơn vị sản xuất thực hiện đấu thầu các công trình xây dựng theo các hình thức xí nghiệp tự đấu thầu hoặc Công ty tổ chức ban đấu thầu.
 - Quản lý các hồ sơ đấu thầu, hồ sơ thiết kế kỹ thuật các công trình thi công của Công ty. Đồng thời quản lý hồ sơ hoàn công của các công trình đã thi công xong.
 - Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị tổ chức thi công theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công đã được phê duyệt và những thay đổi thiết kế trong quá trình tổ chức thi công.
 - Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị sản xuất thực hiện quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27 tháng 06 năm 2003 của Bộ xây dựng về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng (trong đó cần chú trọng đến các biên bản kiểm nghiệm theo quy định và các hồ sơ hoàn công, nhật ký công trình).
 - Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sản xuất thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong tổ chức thi công các công trình xây dựng.
 - Tham gia vào các biện pháp an toàn lao động cho người và thiết bị trong quá trình tổ chức thi công.
 - Tổng kết các phong trào, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và công tác quản lý kỹ thuật hàng năm của Công ty.
- ❖ Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phụ trách công tác của phòng và tham mưu cho T.Giám đốc công tác tổ chức và hành chính trong Công ty.
 - Phụ trách công tác tổ chức, xây dựng quy chế tuyển dụng và tổ chức quản lý lao động.
 - Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị thành viên theo dõi việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.
 - Phụ trách mạng lưới an toàn viên về ATLĐ và vệ sinh lao động.
-

- Theo dõi tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện công tác lao động tiền lương trong Công ty.

- Phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện các quyền lao động tiền lương, quyền của cổ đông theo Điều lệ Công ty.

❖ Các đơn vị xây lắp

- Ban hành quy chế nội bộ của Xí nghiệp không trái với quy chế của Công ty.

- Ký kết các hợp đồng xây dựng, thuê lao động thời vụ, mua vật tư, thuê máy thi công phục vụ cho sản xuất của Xí nghiệp.

Do yêu cầu về lao động của doanh nghiệp xí nghiệp có nhiều nét đặc thù riêng nên Công ty cũng có một cơ chế quản lý lao động phù hợp. Công ty chỉ duy trì số lượng lao động trong danh sách hợp lý, đây là những lao động có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm. Còn lại tùy theo yêu cầu về lao động, tùy thuộc đặc điểm của công trình mà các đơn vị xây lắp sử dụng lao động thuê ngoài tại địa bàn thi công. Việc sử dụng lao động như vậy vừa tiết kiệm được chi phí nhân công, vừa thuận tiện.

Quản lý và hạch toán tài chính trong Xí nghiệp:

- Kiểm soát toàn bộ chứng từ pháp lý trong hạch toán Xí nghiệp. Hạch toán tài chính, kinh doanh lỗ lãi.

- Cấp phát lương cho CBCNV trong xí nghiệp và các khoản chi phí khác theo lệnh Giám đốc Xí nghiệp.

- Quản lý sổ sách, tài liệu, chứng từ.

- Các đơn vị xây lắp cũng trực tiếp triển khai, thực hiện quy trình xây lắp.

- Đôn đốc, kiểm tra thi công xây lắp công trình theo đúng thiết kế và kế hoạch đã đề ra.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, mỹ thuật công trình, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

Mỗi một đơn vị xây lắp có một cán bộ thủ kho riêng, có nhiệm vụ kiểm soát, bảo quản, xuất nhập vật tư theo quy định.

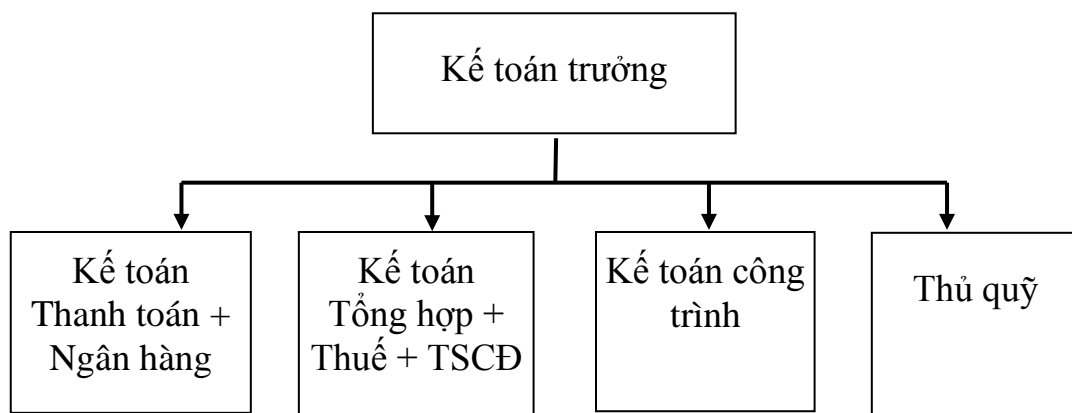
❖ *Xí nghiệp thiết kế.*

- Thiết kế các loại công trình theo tiêu chuẩn thiết kế Việt Nam và tư vấn đầu tư; giám sát xây dựng theo luật quy định hiện hành.
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế nội thất.
- Khảo sát địa hình, thiết kế tổng mặt bằng.
- Tư vấn xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng.
- Kinh doanh công trình xây dựng và hạ tầng.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản...
- Quản lý và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hành động kinh doanh của Xí nghiệp và các hồ sơ thiết kế pháp lý trong kinh doanh

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán.

2.1.3.1 Mô hình tổ chức.

Được tổ chức theo loại hình tập trung, theo đó phòng kế toán là trung tâm hạch toán của công ty. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán như sau:



- *Kế toán trưởng*: Phụ trách công tác của phòng, chịu trách nhiệm trước T.Giám đốc Công ty về công tác kế toán, hạch toán của toàn Công ty. Tổ chức quản lý mọi hoạt động về công tác kế toán của Công ty theo luật kế toán. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm trong nội bộ Công ty và các cơ quan chức năng. Công bố công khai các thông tin đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty với Đại hội cổ đông. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ, Quy chế của Công ty và Luật doanh nghiệp, các nhiệm vụ khác được T.Giám đốc Công ty giao.

- *Kế toán Thanh toán + Ngân hàng*: Theo dõi thu chi tiền mặt, chuyển khoản; quan hệ với ngân hàng; làm lương và quản lý sổ lương của khối văn phòng; theo dõi công tác bảo hiểm; lưu trữ sổ liên quan đến các cổ đông; theo dõi công nợ nội bộ; vào sổ theo dõi tài sản Công ty.

- *Kế toán Tổng hợp + Thuế + TSCĐ*: Theo dõi công nợ khách hàng; hướng dẫn nghiệp vụ và công tác kế toán cho các đơn vị; kiểm tra thanh quyết toán của các đơn vị sản xuất. Lập các bảng biểu và lên tổng hợp giá thành các công trình, xác định kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm về việc nhập số liệu xuất bán hàng, ghi nhận các hoá đơn. Thực hiện việc kê khai thuế, theo dõi thuế hàng tháng và các khoản nộp ngân sách và lập báo cáo tài chính.

- *Kế toán công trình*: Tập hợp chi phí công trình báo cáo lên Công ty; lên công nợ khách hàng và chịu trách nhiệm lập giá thành công trình.

- *Thủ quỹ*: Quản lý tiền, nhập xuất tiền mặt, ngân phiếu và Quản lý hồ sơ, sổ sách liên quan đến việc thu - chi tiền.

2.1.3.2 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty áp dụng kế toán chứng từ ghi sổ. Nguyên tắc cơ bản của hình thức này là: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ, ghi theo nội dung kế toán trên sổ cái.

- *Chế độ tài khoản*: Hệ thống tài khoản của công ty áp dụng tuân thủ theo nguyên tắc Thông tư TT89/2002/TT-BTC ngày 8/5/2003 và 6 chuẩn mực kế toán mới.

- *Chế độ chứng từ kế toán*: Hệ thống chứng từ kế toán bao gồm những loại sau:

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Tại công ty hiện có các sổ sau:

*** Sổ, thẻ kế toán chi tiết:**

- Sổ chi tiết TK621, 622, 627, 6277, 154, 632 mở chi tiết cho từng công trình.
- Sổ (thẻ) tài sản cố định
- Sổ chi tiết tiền gửi, tiền vay.
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua- người bán.
- Sổ chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu.

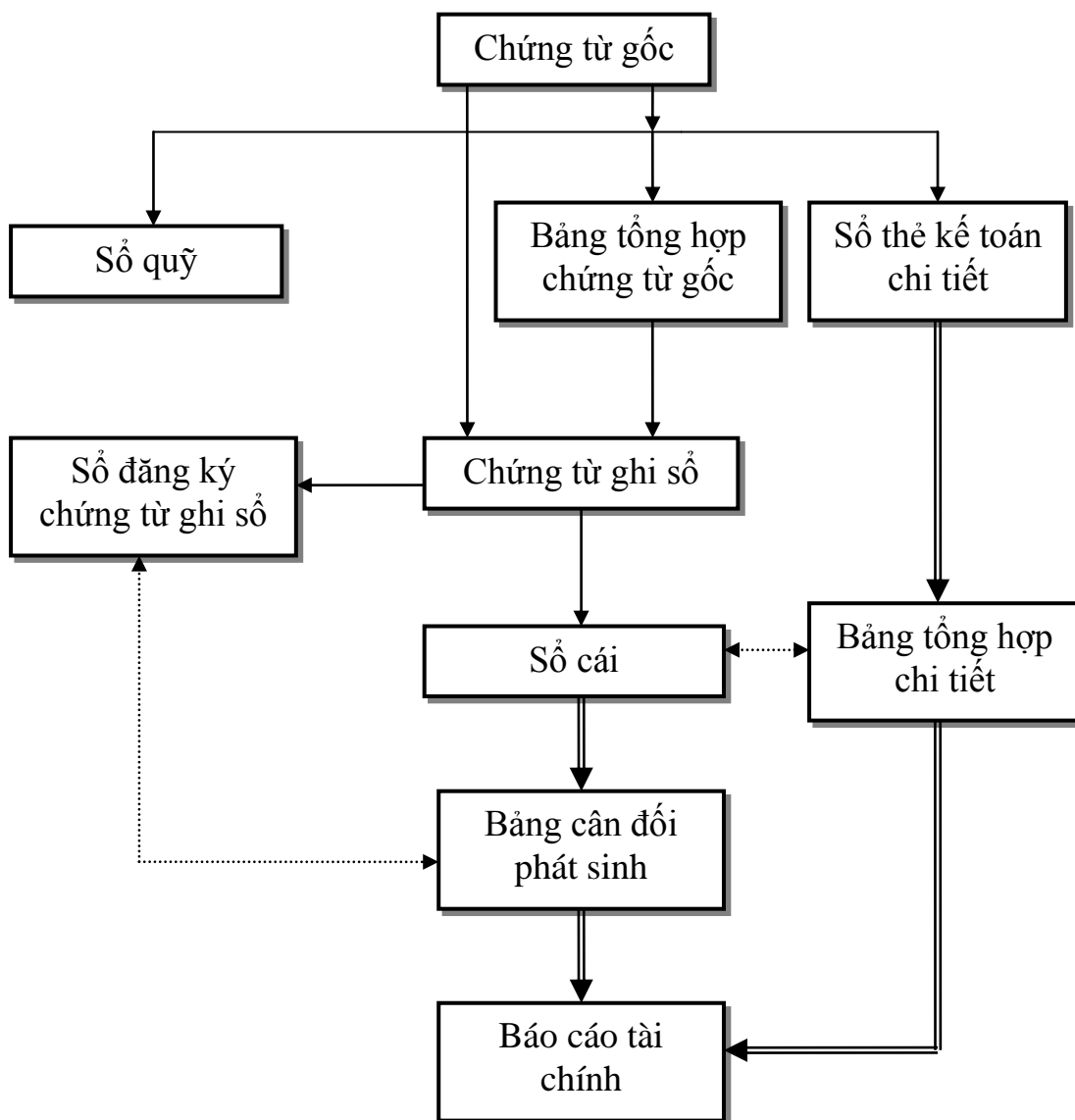
- Sổ chi tiết chi phí phải trả.

*** Sổ kế toán tổng hợp**

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ Cái các TK

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ tại Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

- Chế độ báo cáo kế toán: Gồm có:

*** Báo cáo tổng hợp:**

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

*** Báo cáo chi tiết :**

- Báo cáo công nợ
- Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất
- Báo cáo giá thành

*** Báo cáo thuế.**

2.1.3.3 Các chính sách kế toán tài chính công ty sử dụng:

- Niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ.
- Phương pháp tính khấu hao: tính khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản.
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp: nhập trước xuất trước.
- Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

2.2 Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

2.2.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

2.2.1.1 Kế toán chi phí sản xuất.

a, Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Đứng trên lĩnh vực kế toán, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Đảm bảo việc hạch toán giá thành đúng, đủ, kịp thời phù hợp với đặc điểm hình thành và phát sinh chi phí là yêu cầu có tính xuyên suốt trong quá trình hạch toán tại doanh nghiệp. Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được

chính xác đòi hỏi công việc đầu tiên mà kế toán phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản phẩm của Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long có đặc điểm: sản xuất theo đơn đặt hàng, sản phẩm có tính đơn chiếc, quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sản xuất kéo dài. Do đó, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất được Công ty xác định là từng công trình, hạng mục công trình. Đồng thời tuân theo quy định hiện hành về phương pháp hạch toán hàng tồn kho trong xây lắp, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

b, Đặc điểm các khoản mục.

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành, Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long tiến hành phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Các công trình trước khi bắt đầu thi công đều được Công ty lập dự toán theo từng khoản mục phí trên và đó là cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết để tạo ra sản phẩm hoàn thành. Giá trị vật liệu bao gồm giá trị thực tế của vật liệu chính, vật liệu phụ... cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành công trình trong đó không kể đến vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng phục vụ cho máy móc, phương tiện thi công.

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty bao gồm các khoản chi trả lương cho người lao động trực tiếp xây lắp các công trình không kể các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Chi phí sử dụng máy thi công là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của Công ty bao gồm khấu hao máy thi công, tiền lương của công nhân vận hành máy (không kể các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ tính theo tiền lương của công nhân vận hành máy thi công).

Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ cho sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân vận hành máy, nhân viên quản lý đội, xí nghiệp, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, khấu hao...

c, Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.

Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long sử dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành công trình, hạng mục công trình. Do Công ty giao khoán cho các đơn vị trực thuộc theo hình thức khoán gọn nên kế toán ở Công ty không phải theo dõi nguyên vật liệu, thù lao lao động ở đội, xí nghiệp. Hàng tháng, sau khi các chứng từ cùng các bảng kê được kế toán đội tập hợp lên, kế toán Công ty sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, loại trừ các khoản chi phí không hợp lý sau đó phân loại các khoản chi phí để tập hợp vào các khoản mục phí (được thể hiện trên các sổ chi tiết các tài khoản chi phí) rồi vào sổ cái các TK 621, TK 622, TK 623, TK 627. Cuối quý, kết chuyển các khoản chi phí để tính giá thành sản phẩm.

2.2.1.1.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

a, Đặc điểm chi phí nguyên vật liệu

Để thực hiện quá trình xây lắp, vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong các yếu tố chi phí đầu vào. Đối với Công ty, nguyên vật liệu trực tiếp là khoản mục chi phí cơ bản và chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Hơn nữa, vật liệu sử dụng trực tiếp cho thi công gồm nhiều chủng loại khác nhau, có tính năng công dụng khác nhau và được sử dụng cho các mục đích khác nhau. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc quản lý tốt chi phí nguyên vật liệu của Công ty nhằm tập hợp chính xác, đầy đủ chi phí nguyên vật liệu trong việc tính giá thành sản phẩm đồng thời cũng phải tìm ra các biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu góp phần giảm chi phí và hạ giá thành.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty bao gồm các nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng như sắt, thép, sỏi, đá các loại, cát, gạch, xi măng, nhựa đường, dầu, củi nấu nhựa đường...Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, đặc

điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau nên để thuận tiện cho việc thi công, nguyên vật liệu được đội, xí nghiệp chủ động mua và chuyên thẳng đến công trường mà không tập hợp qua kho của Công ty nhờ vậy giảm bớt được chi phí vận chuyển từ kho Công ty đến các công trình, tránh được hao hụt, mất mát khi vận chuyển đồng thời nâng cao tính chủ động trong việc điều hành quản lý sản xuất, đảm bảo thi công đúng tiến độ.

b, Nội dung hạch toán

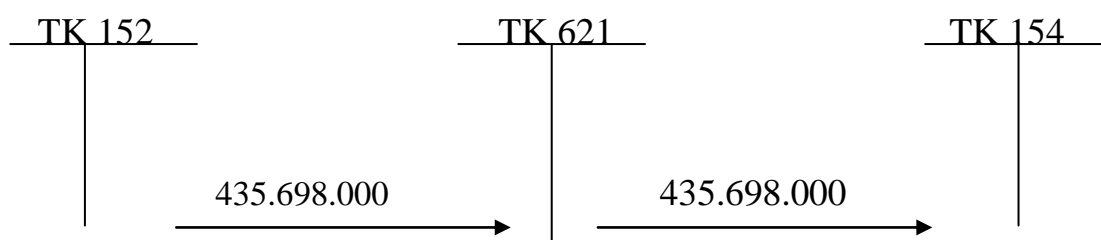
Công ty cổ phần Xây lắp Hạ Long hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, Hoá đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Bảng kê chứng từ chi phí nguyên vật liệu, thẻ kho.
- Tài khoản sử dụng: TK 621, TK 141, TK 133.
- Sổ sách sử dụng: Sổ chi tiết TK 621, Sổ cái TK 621

Cuối tháng kế toán tiến hành tập hợp chứng từ gốc (Hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho) và căn cứ vào đó để lập Bảng kê chứng từ chi phí nguyên vật liệu. Bảng kê này được lập riêng cho từng đối tượng hạch toán chi phí, lập theo từng tháng. Khi nhận được chứng từ gốc, kế toán chi phí tiến hành kiểm tra, đối chiếu giữa các chứng từ gốc với Bảng kê chi phí nguyên vật liệu. Sau khi đã kiểm tra các chứng từ, kế toán tiến hành nhập số tổng cộng trên Bảng kê chứng từ chi phí vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán, phản ánh các nghiệp vụ vào Sổ chi tiết TK 621 (theo dõi cho từng công trình), Sổ cái TK 621.

Sổ chi tiết TK 621 được mở chi tiết cho từng đối tượng hạch toán chi phí, sổ được mở theo quý. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ chi tiết vào cuối tháng và đến cuối quý kế toán thực hiện kết chuyển.

- Sơ đồ hạch toán:



Luận văn tốt nghiệp

Ví dụ: Trong tháng 10 năm 2010 chi phí nguyên vật liệu dùng thi công công trình Đường Hùng Vương là 435.698.000đ, kế toán ghi vào Chứng từ ghi sổ, Sổ chi tiết TK 621, Sổ cái TK 621.

Biểu 1

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long

BẢNG KÊ NHẬP KHO VẬT TƯ

Địa chỉ: 407 Lê Lai-Ngô Quyền- HP

Tháng 10 năm 2010

Xí nghiệp xây dựng số 5

Công trình: Đường Hùng Vương - HP

Chứng từ		Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Số tiền
SH	NT			Theo CT	Thực nhập		
115	9/10	Đá hộc	m3	1.350	1.350	45.000	60.750.000
156	11/10	Đá 1x2	m3	750	750	115.000	86.250.000
117	12/10	Thép Φ 16	kg	480	480	4.700	2.256.000
...
		Cộng					435.698.000

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Biểu 2

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long

BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT TƯ

Địa chỉ: 407 Lê Lai-Ngô Quyền- HP

Tháng 10 năm 2010

Xí nghiệp xây dựng số 5

Công trình: Đường Hùng Vương - HP

Chứng từ		Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
SH	NT					
135	14/10	Đá hộc	m3	1.350	45.000	60.750.000
136	14/10	Đá 1x2	m3	750	115.000	86.250.000
137	14/10	Thép Φ 16	kg	480	4.700	2.256.000
...
		Cộng				435.698.000

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Luận văn tốt nghiệp

Cuối tháng, sau khi lập xong bảng tổng hợp vật tư nhập kho, bảng tổng hợp vật tư xuất kho, kế toán xí nghiệp tập hợp các chứng từ gốc cùng các chứng từ liên quan nộp về phòng tài chính kế toán của Công ty.

Tại Công ty sau khi nhận được chứng từ gốc cùng các bảng kê, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ và tiến hành lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 3

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long

CHỨNG TỪ GHI SỔ - Số 450

Địa chỉ: 407 Lê Lai-Ngô Quyền- HP

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		Chi phí NVLTT đường Hùng Vương – HP tháng 10	621	1365	435.689.000
		Cộng			435.689.000

Kèm theo: ... chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Người lập

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621. Đồng thời, căn cứ vào chứng từ gốc và bảng kê vật tư xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 621.

Biểu 4

CÔNG TY CP XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trang 11

CTGS		Số tiền	CTGS		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
		...			
450	31/10	435.689.000			
		...			
	Cộng			Cộng	

Biểu 5

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CHI TIẾT TK 621 - CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Công trình đường Hùng Vương – Hải Phòng

Quý IV/ 2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		-	-
135	14/10	Xuất đá hộc	1365	60.750.000	
		...			
		Cộng phát sinh tháng 10		435.689.000	
		...			
		K/c CPNVLTT quý IV	154		1.445.755.830
		Cộng phát sinh		1.445.775.830	1.445.755.830
		Dư cuối kỳ		-	-

Biểu 6

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CÁI TK 621 - CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

Quý IV/2010

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		-	-
31/10	450	31/10	Chi phí NVLTT thi công đường Hùng Vương – HP tháng 10	1365	435.689.000	
		31/12	Kết chuyển CPNVLTT cho thi công đường HVương tháng 10	154		1.445.755.830
			...			
			Cộng phát sinh		7.435.123.540	7.435.123.540
			Dư cuối kỳ		-	-

2.2.1.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

a, Đặc điểm chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Quản lý tốt chi phí nhân công trực tiếp cũng như việc hạch toán đúng và đầy đủ có tác dụng giúp Công ty sử dụng tốt lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản trả cho công nhân trực tiếp sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp theo lương, không bao gồm tiền ăn ca và các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm kinh tế và kinh phí công đoàn).

Công ty trả lương cho cán bộ, công nhân viên theo phương pháp chức danh căn cứ vào Nghị định 28/CP của chính phủ, Thông tư số 3092 /QP của Bộ quốc phòng quy định mức lương tối thiểu phải đảm bảo mức lương quốc phòng, tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ phải căn cứ vào tổng mức lương quốc phòng (lương cơ bản) để tính. Vì thế, tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long và các xí nghiệp xây dựng hiện nay có hai hình thức trả lương:

Hình thức trả lương theo thời gian (lương đơn vị): áp dụng cho cán bộ công nhân viên thuộc Công ty, xí nghiệp như nhân viên kỹ thuật, kế toán, thống kê... Bộ phận này được hưởng lương theo chức vụ nghề nghiệp, thâm niên công tác. Chứng từ để tính lương theo thời gian là bảng chấm công và cấp bậc lương. Dưới các xí nghiệp có trách nhiệm theo dõi ngày công, thời gian làm việc. Với bộ phận lương đơn vị hàng tháng được tính như sau:

Tiền lương cơ bản =(lương tối thiểu x hệ số lương) + thâm niên + lương chức vụ + chênh lệch (nếu có).

Cuối tháng nhân viên kế toán đội, xí nghiệp căn cứ vào mức lương lập bảng danh sách lương và quỹ tiền lương quốc phòng và phân phối cho nhân viên làm hai kỳ: Tạm ứng lương kỳ 1 và Trả lương kỳ 2.

Hình thức trả lương theo sản phẩm: áp dụng cho đội ngũ lao động trực tiếp tham gia thi công và đối với những công việc có thể định mức được hao phí nhân công. Đó là khoản tiền công trả cho người lao động phổ thông thuê ngoài của xí

nghiệp (công nhân xây dựng, thuê nhân công san lấp mặt bằng, phá dỡ công trình...). Với bộ phận này thường áp dụng hình thức trả theo khối lượng công việc hoàn thành, hợp đồng thuê khoán gọn bên ngoài với mức khoán gọn dựa vào khối lượng phân công việc. Mức tiền công phụ thuộc vào mức giá nhân công của từng địa phương và đặc điểm của từng công việc. Theo hình thức này, bảng chấm công, các hợp đồng giao khoán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản thanh toán khối lượng hoàn thành (bản thanh lý hợp đồng) là chứng từ ban đầu để tính lương và trả lương theo sản phẩm.

Tiền lương theo sản phẩm = đơn giá khoán x khối lượng thi công thực tế.

Mẫu hợp đồng thuê nhân công:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN

Số: 178/HĐGK/CTHP/XLHL

- Căn cứ vào nhu cầu công việc của CTHP

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2010, chúng tôi gồm:

Bên giao (Bên A): Công trường Hải Phòng

Đại diện: Ông *Lê Hùng Đường*

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Bên nhận (Bên B): Tổ nề

Đại diện: Ông *Nguyễn Văn Tuyển*

Chức vụ: Tổ trưởng

Cùng thống nhất hợp đồng giao khoán như sau:

Điều 1:

Công trường khoán công việc cho đội thi công, cụ thể:

- Trát tường : $50\text{m}^2 \times 100.000 = 5.000.000,đ$

- Lát nền : $95\text{m}^2 \times 50.000 = 4.750.000,đ$

Tổng cộng : 9.750.000,đ

(Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn)

Điều 2:

Bên B phải chịu trách nhiệm với bên A về chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động cho người và công trình.

Điều 3:

Bên A khoán gọn khối lượng, công việc cụ thể cho bên B. Khi công việc hoàn thành, hai bên lập quyết toán khối lượng công việc và biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành để Công trường HP lập hồ sơ thanh toán.

Điều 4: Công tác ATLĐ và an ninh khu sản xuất:

- Bên B có trách nhiệm : Tổ chức thi công đảm bảo các phương tiện và các dụng cụ cầm tay khác phục vụ cho thi công đảm bảo chất lượng các chi tiết, hạng mục của công trình như các phần đã nêu trên.
- Chịu trách nhiệm về công tác ATLĐ cho người làm việc, các thiết bị, dụng cụ thi công và mọi quyền lợi của người lao động.
- Những công nhân được cử đến công trình làm việc đều phải được huấn luyện ATLĐ, biết sử dụng các thiết bị ATLĐ như : dây, mũ, giày, ủng... phù hợp với công việc được giao.
- Không cho những người chưa đủ tuổi lao động, bị bệnh tim, thần kinh, nghiện rượu hoặc bị tàn tật vào làm việc.
- Không sử dụng lao động nữ làm việc trên cao, leo trèo.
- Trong quá trình sản xuất, đội phải có trách nhiệm bảo vệ an ninh khu sinh hoạt và khu sản xuất.

Điều 5: Nghĩa vụ các bên

- Bên B phải có nghĩa vụ bảo vệ an toàn các vật tư thiết bị khi được bên A giao cho để phục vụ công tác thi công công trình hoặc để thực hiện hợp đồng.
- Quá trình thi công phải được bảo vệ toàn bộ các cơ sở vật chất, hiện vật hiện tại đang có tại công trình và có nghĩa vụ bàn giao trả lại cho bên A khi phần công việc đã thực hiện xong.
- Bên A có nghĩa vụ : Kiểm tra giám sát chất lượng công trình, nghiệm thu từng phần việc và thanh toán tiền công cho bên B theo đơn giá đã thoả thuận.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

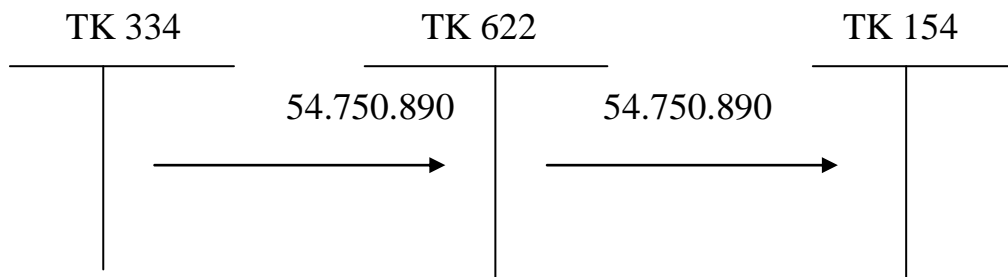
Hai bên chịu trách nhiệm thực hiện đúng hợp đồng giao khoán này và cùng đọc lại, thống nhất ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

b, Nội dung hạch toán

- Chứng từ sử dụng: Hợp đồng giao khoán, Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng kê chi phí nhân công, Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc, Danh sách công nhân, Danh sách học an toàn lao động.
- Tài khoản sử dụng: TK 334, TK 622, TK 141
- Sổ sách kế toán: Sổ chi tiết TK 622, Sổ cái TK 622.
- Sơ đồ hạch toán:



Theo nguyên tắc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp đối với công trình xây lắp: không trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí nhân công. Trên chi phí nhân công thì chỉ có lương trả cho công nhân trong danh sách và công nhân thuê ngoài. Các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ tính vào chi phí sản xuất chung.

Cuối tháng, căn cứ vào Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc kế toán tiến hành lập Bảng thanh toán lương chi tiết cho từng tổ, lập Bảng thanh toán lương tổng hợp cho cả đội tiến hành xây lắp công trình. Căn cứ vào đó kế toán lập Bảng kê chi phí nhân công, sau đó nhập số liệu từ bảng kê vào phiếu kế toán. Từ

Luận văn tốt nghiệp

phiếu kế toán, máy tính phản ánh tự động các nghiệp vụ vào Sổ chi tiết TK 622, Sổ cái TK 622, Sổ cái TK 334.

Biểu 7

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long
Địa chỉ: 407 Lê Lai-Ngô Quyền- HP

CHỨNG TỪ GHI SỔ - SỐ 458
Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		Chi phí NCTT đường Hùng Vương – HP tháng 10	622	1365	54.750.890
		Cộng			54.750.890

Kèm theo... chứng từ gốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái TK 622. Đồng thời từ chứng từ gốc, kế toán vào sổ chi tiết TK 621.

Biểu 8

CÔNG TY CP XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trang 12

CTGS		Số tiền	CTGS		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
				
450	31/10	435.689.000			
				
458	31/10	54.750.890			
	Cộng	xxx		Cộng	

Biểu 9

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CHI TIẾT TK 622 - CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Công trình đường Hùng Vương – Hải Phòng

Quý IV/ 2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		-	-
	1/11	CPNCTT tháng 10	1365	54.750.890	
	1/12	CPNCTT tháng 11	1365	57.125.650	
	31/12	CPNCTT tháng 12	1365	58.376.360	
		K/c CPNCTT quý IV	154		170.252.900
		Cộng phát sinh		1.445.775.830	1.445.755.830
		Dư cuối kỳ		-	-

Biểu 10 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CÁI TK 622 - CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Quý IV/2010

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		-	-
31/10	458	31/10	Chi phí NCTT đường HVương-HP tháng 10	1365	54.750.890	
31/10	463	31/10	CPNCTT đường 239- HP tháng 10	1365	22.450.780	
			...			
		31/12	Kết chuyển CPNVLTT cho thi công đường HVương tháng 10	154		54.750.890
			Cộng phát sinh		1.825.985.130	1.825.985.130
			Dư cuối kỳ		-	-

2.2.1.1.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

a, Đặc điểm chi phí sử dụng máy thi công

Trong sản xuất xây lắp, quy mô thi công thường lớn, cường độ thi công cao. Do vậy, sức lao động của con người đôi khi không đáp ứng được đòi hỏi của công việc. Xuất phát từ thực tế đó, việc sử dụng máy thi công trong hoạt động xây lắp là việc làm tất yếu và có ý nghĩa kinh tế cao. Vì vậy, chi phí sử dụng máy thi công là chi phí đặc thù riêng có trong các doanh nghiệp xây lắp.

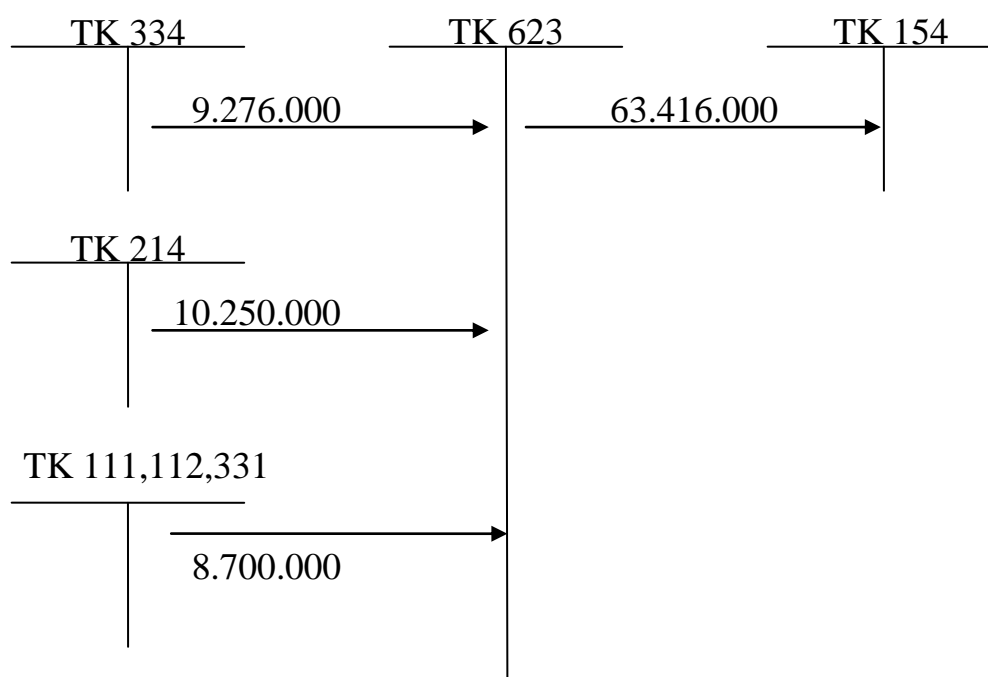
Đối với Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long, việc sử dụng máy móc thi công có vai trò hết sức quan trọng, đảm bảo cho tiến độ thi công và chất lượng công trình. Việc quản lý, điều động xe, máy thi công cho từng công trình do ban vật tư-xe máy và quản lý công trình đảm nhiệm, Công ty không tổ chức thành đội máy thi công riêng.

Máy thi công ở Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long bao gồm các loại: Máy trộn bê tông 320 lit, Máy LUSKAI KD110, Máy ủi KOMASU, máy ép cọc thủy lực, máy kinh vĩ- thủy bình, máy san, máy gạt, máy khoan cọc nhồi...Để tạo quyền chủ động trong việc thi công, Công ty trao quyền quản lý máy thi công cho các đội, xí nghiệp xây dựng trực thuộc hàng tháng có trách nhiệm gửi chi tiết lên ban Xe máy -Vật tư Công ty. Trong trường hợp không có máy thi công phù hợp, các đội có thể thuê ngoài máy thi công. Chi phí phát sinh cho máy thi công của công trình, hạng mục công trình nào thì được hạch toán trực tiếp vào công trình, hạng mục công trình đó.

b, Nội dung hạch toán

- ❖ Chứng từ sử dụng: Hợp đồng thuê máy, Biên bản thanh toán kinh phí thuê máy, Hoá đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng, Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ khấu hao.
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 141 - Nhận chi phí sản xuất
 - TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công
 - TK 6231- Chi phí nhân công
 - TK 6232 - Chi phí vật liệu
 - TK 6234 - Chi phí khấu hao máy
 - TK 6237 - Chi phí mua ngoài
- ❖ Sổ sách kế toán: Sổ chi tiết TK 623, Sổ cái TK 623

❖ Sơ đồ hạch toán



*** Chi phí nhân công điều khiển máy thi công:**

Chi phí nhân công sử dụng máy thi công chỉ phản ánh tiền lương, tiền công của công nhân điều khiển máy, không phản ánh phần trích BHXH, BHYT, KPCĐ.

Chứng từ sử dụng: Hợp đồng giao khoán, Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương

Tài khoản sử dụng: TK 334, TK 6231

Hàng ngày tổ trưởng tổ máy thi công theo dõi ngày công của từng nhân công sử dụng máy thi công để tiến hành lập Bảng chấm công. Căn cứ vào Bảng chấm công được xét duyệt của Chỉ huy trưởng công trường, kế toán tiến hành lập bảng thanh toán lương và cuối tháng lên Bảng kê chứng từ chi phí máy thi công. Căn cứ vào chứng từ đó kế toán nhập vào các sổ: Sổ chi tiết TK 623, Sổ cái TK 623, Sổ cái TK 334, Sổ cái TK 154.

*** Chi phí khấu hao máy thi công**

Máy thi công của công ty được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đều. Tỷ lệ trích khấu hao do Công ty ước tính theo thời gian sử dụng của từng loại máy và được sự đồng ý của Cục quản lý vốn.

Phương pháp tính khấu hao máy thi công:

Số khấu hao
máy thi công phải trích = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao
trong năm

Hệ số phân bổ khấu hao = Tổng chi phí khấu hao máy thi công
máy thi công cho từng _____
công trình Tổng số giờ sử dụng máy thi công trong tháng

Cuối tháng kế toán thực hiện trích khấu hao máy thi công, phân bổ cho từng công trình và kết chuyển vào sổ cái TK 623

Chi phí khấu hao máy thi công được phân bổ theo thời gian sử dụng:

Chi phí KHMTC phân bổ = Thời gian sử Hệ số
cho từng công trình dụng x phân bổ

*** Chi phí dịch vụ mua ngoài**

Ngoài các chi phí kể trên công tác vận hành máy thi công còn phải cần đến một vài chi phí khác như chi sửa chữa, tiền điện, nước để vận hành máy. Công ty hạch toán phần chi phí này như sau:

Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng

Tài khoản sử dụng: TK 623

Sổ kế toán : Sổ chi tiết TK 623, Sổ cái TK 623

Chi phí dịch vụ mua ngoài được tập hợp trên bảng kê chi phí máy thi công kèm theo các chứng từ gốc. Kế toán chi phí tiến hành xem xét tính hợp lý của các chi phí rồi nhập vào phiếu kế toán, vào sổ chi tiết TK 623, Sổ cái TK623.

➤ ***Đối với máy thi công của Công ty***

Trong tháng, bộ phận kỹ thuật, kế toán công trường có nhiệm vụ kiểm tra xe máy, tập hợp chi phí có liên quan tới máy móc thi công như chi phí nhiên liệu xăng dầu, tiền lương công nhân lái máy và các khoản trích theo lương, khấu hao máy móc thi công, chi phí khác bằng tiền ...

Đối với chi phí vật liệu chạy máy thi công: Khi có nhu cầu sử dụng, công trường tự lo liệu đi mua nhiên liệu chạy máy bằng tiền tạm ứng. Các khoản chi phí này được hạch toán tương tự như hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Cuối tháng, kế toán công trường tập hợp hoá đơn chứng từ mua nguyên vật liệu cho máy thi công ghi vào bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Tiền lương công nhân điều khiển máy: Hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, kế toán đội lập bảng tính lương và tiến hành tập hợp vào bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí khấu hao máy thi công: Hàng tháng, quý trên cơ sở mức tính khấu hao cho Tài sản cố định mà Công ty đã đăng ký với cục quản lý vốn và tài sản theo nghị định 1062/NĐ - quy định về mức tính khấu hao cho các loại tài sản cố định, bảng kê hoạch trích khấu hao Tài sản cố định của Công ty. Công ty tiến hành lập bảng tính và phân bổ khấu hao cho từng loại máy móc thi công và tính trực tiếp cho các công trình đang sử dụng máy sau đó mới tiến hành phân bổ cho từng công trình bằng báo nợ xuống các đội sử dụng xem xét và xác nhận.

Ngoài ra, còn một số chi phí khác phục vụ cho hoạt động của máy thi công như: chi phí sửa chữa máy thi công, chi phí bảo hiểm máy thi công, chi phí khác bằng tiền phục vụ cho hoạt động của máy thi công...Để hạch toán các khoản chi phí này, kế toán căn cứ vào các hoá đơn GTGT, hoá đơn mua hàng, hợp đồng thuê sửa chữa máy móc thiết bị...

➤ ***Đối với máy thi công thuê ngoài***

Trong trường hợp Công ty không có loại xe máy phù hợp hoặc do yêu cầu tiến độ công việc không đáp ứng đủ máy móc phục vụ cho việc thi công thì đội tự tổ chức thuê ngoài máy thi công. Phương thức thuê máy được áp dụng là thuê luôn cả máy, người lái và các loại vật tư cho chạy máy (thuê trọn gói). Theo phương thức này, trong hợp đồng thuê phải xác định rõ khối lượng công việc, và tổng số

tiền bên thuê phải trả. Máy thuê ngoài phục vụ cho công trình nào, kế toán hạch toán chi phí thuê máy vào thẳng công trình đó. Cơ sở pháp lý cho công tác hạch toán là hợp đồng thuê máy, biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy, biên bản xác nhận khối lượng giao nhận và biên bản nghiệm thu.

CÔNG TY CP XL HẠ LONG
XNXD SỐ 5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ MÁY

Hôm nay, ngày 15 tháng 10 năm 2010

Đại diện cho các bên tham gia ký hợp đồng gồm:

Bên A: Ông Phạm Tiến Đạt

Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp.

Địa chỉ : Xí nghiệp xây dựng số 5- Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long

Bên B: Trần Đình Kiên.

Chức vụ: Đội trưởng- Địa chỉ: Công ty cơ giới và lắp máy.

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng thuê máy thi công công trình đường Hùng Vương – Hải Phòng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A giao cho bên B thi công cơ giới các công việc với khối lượng và giá cả như sau:

- Thuê máy xúc KOBECO, khối lượng: 15.000 m³, đơn giá: 7.500 đ/m³
- Thuê máy ủi KOMASU, đơn giá: 80.000 đ/ giờ.

Điều 2: Thể thức nghiệm thu và thanh toán...

Điều 3: trách nhiệm mỗi bên...

Điều 4: Thời gian thực hiện hợp đồng...

Điều 5: Điều kiện chung...

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Sau khi tổng hợp được các chứng từ về máy thi công thuê ngoài, kế toán đội tính ra chi phí thuê máy cho thi công công trình theo từng loại máy. Trên cơ sở đó, kế toán đội lập bảng tổng hợp chi phí thuê máy cho từng công trình.

Biểu 11

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THUÊ MÁY

Tháng 10/ 2010 – Công trình: Đường Hùng Vương

STT	Loại máy	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy xúc KOBECO	m ³	3.700	7.500	27.750.000
2	Máy ủi KOMASU	giờ	93	80.000	7.440.000
	Cộng				35.190.000

Cuối tháng, kế toán đội tập hợp toàn bộ chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong tháng lập bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công.

Biểu 12

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Công trình: Đường Hùng Vương – HP

Tháng 10/ 2010

Chứng từ		Nội dung	Số tiền
SH	NT		
405	05/ 10	Mua dầu Diezel	8.700.000
407	15/10	Chi phí thuê ngoài máy thi công	35.190.000
		Công ty báo nợ khấu hao	10.250.000
		Chi phí nhân công lái máy	9.276.000
		Cộng	63.416.000

Sau khi nhận được các chứng từ gốc và bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán Công ty lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 13

CÔNG TY CP XÂY LẬP HẠ LONG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 490

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/10	CPSDMTC đường Hùng Vương tháng 10	623	1365	63.416.000
		Cộng			63.416.000

Các chứng từ gốc và bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để vào sổ chi tiết TK 623. Sau đó, từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và vào sổ cái.

Biểu 14

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP HẠ LONG

SỔ CHI TIẾT TK 623

Công trình: Đường Hùng Vương- HP

Quý 4/ 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		-	-
405	05/10	Mua dầu Diesel	1365	8.700.000	
407	15/10	Chi phí thuê máy thi công	1365	35.190.000	
				
		CPSDMTC phát sinh tháng 10		63.416.000	
				
	31/12	Kết chuyển CPSDMTC quý IV	154		193.001.200
		Cộng số phát sinh		193.001.200	193.001.200
		Dư cuối kỳ			

Biểu 15

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CÁI TK 623- CHI PHÍ SỬ DỤNG MÁY THI CÔNG

Quý IV/ 2010

NT	CTGS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		-	-
31/10	490	31/10	CPSDMTC đường HVương-HP tháng 10	136.5	63.416.000	
31/10	495	31/10	CPSDMTC đường 239- HP tháng 10	136.5	21.520.400	
					
		31/12	K/C CPSDMTC đường HVương quý IV	154		193.001.200
		31/12	K/C CPSDMTC đường 239- HP quý IV	154		63.150.734
			Cộng phát sinh		1.120.980.160	1.120.980.160
			Dư cuối kỳ		-	-

2.2.1.1.4 Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ.

a, Đặc điểm chi phí sản xuất chung

Để tiến hành hoạt động sản xuất một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, ngoài các yếu tố cơ bản về nguyên vật liệu, lao động trực tiếp sản xuất...thực tế đòi hỏi phải tiêu hao một số yếu tố chi phí khác như: chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dùng cho quản lý, chi phí tiếp khách, kiểm nghiệm...Những khoản chi phí này tuy không trực tiếp tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp nhưng lại có một vai trò khác rất quan trọng là giúp cho hoạt động sản xuất diễn ra nhịp nhàng, đều đặn. Đó chính là chi phí sản xuất chung. Tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long, khoản mục chi phí sản xuất chung được hạch toán vào TK 627- chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Dưới các xí nghiệp khi tập hợp chi phí sản xuất chung tại công trình nào tiến hành phân bổ trực tiếp cho công trình đó. Còn đối với những khoản chi phí sản

xuất chung phục vụ cho toàn đội, xí nghiệp thì tiến hành phân bổ theo tiền lương công nhân trực tiếp.

b, Nội dung hạch toán

❖ Chi phí nhân viên quản lý đội, xí nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý đội, xí nghiệp bao gồm: tiền lương của cán bộ quản lý đội, các khoản trích theo lương của toàn bộ công nhân viên chức của đội, xí nghiệp.

Chúng từ ban đầu để hạch toán tiền lương ban quản lý đội, xí nghiệp là các bảng chấm công. Hình thức trả lương áp dụng là hình thức trả lương theo thời gian. Bộ phận này được hưởng lương theo chức vụ nghề nghiệp, thâm niên công tác. Dưới các xí nghiệp có trách nhiệm theo dõi ngày công, thời gian làm việc, hàng tháng lập bảng thanh toán lương gửi lên Công ty.

Lương cơ bản = (lương tối thiểu x hệ số lương) + thâm niên + lương chức vụ + chênh lệch (nếu có).

Nguyễn Văn Dũng: Cấp bậc CNHD ngày nhập ngũ 10/1997. HS lương = 3,89

Lương được hưởng = $(850.000 \times 3,89) + 1.768.960 + 206.784 = 5.282.244$

Các khoản trích theo lương tại công ty được trích theo quy định của nhà nước:

- + Bảo hiểm xã hội: Tỷ lệ trích là 22% trong đó 16% tính vào chi phí, 6% khấu trừ vào lương người lao động.
- + Bảo hiểm y tế: Tỷ lệ trích là 4,5% trong đó 3% tính vào chi phí, 1,5% khấu trừ vào lương người lao động.
- + Kinh phí công đoàn: Tỷ lệ trích là 2%
- + Bảo hiểm thất nghiệp: Tỷ lệ trích 2%, trong đó: 1% tính vào chi phí kinh doanh, 1% khấu trừ vào lương người LĐ.

Trên cơ sở bảng chấm công, kế toán lập bảng thanh toán lương cho nhân viên gián tiếp. Do xí nghiệp cùng một lúc thi công nhiều công trình nên lương của bộ phận quản lý đội, xí nghiệp được phân bổ cho các công trình dựa trên chi phí nhân công trực tiếp của mỗi công trình.

❖ Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ.

Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng, Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, Bảng kê chứng từ chi phí khác.

Tài khoản sử dụng: TK 6273

Khi mua công cụ dụng cụ kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng để lập phiếu nhập kho. Khi có nhu cầu sử dụng cần xuất kho thì kế toán lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập làm 2 liên. Kế toán tiến hành đối chiếu số liệu giữa bảng kê với các chứng từ gốc rồi thực hiện việc ghi sổ : Sổ chi tiết TK 627, Sổ cái TK627

Chi phí vật liệu: gồm các khoản vật liệu phục vụ cho quản lý như văn phòng phẩm, phụ tùng ô tô con...Chứng từ ban đầu là các hoá đơn bán hàng...

Chi phí dụng cụ sản xuất: bao gồm áo bảo hộ, cuộc xẻng, cốp pha, giàn giáo và công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng...

Nếu công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ như: găng tay, giày, ủng, áo bảo hộ, cuộc xẻng...thì được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất khi xuất dùng. Chứng từ ban đầu là các hoá đơn bán hàng.

Nếu công cụ, dụng cụ có giá trị lớn liên quan đến nhiều kì hạch toán thì Công ty dùng phương pháp phân bổ 50% hoặc phân bổ nhiều kỳ tùy theo thời gian sử dụng của loại công cụ đó.

Từ các chứng từ gốc, kế toán công trường tập hợp vào bảng kê chi phí sản xuất chung.

❖ Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm chi phí khấu hao máy tính, và phương tiện đi lại của các đội trường xây dựng (các loại xe con)...Hàng tháng trên cơ sở số khấu hao mà kế toán Công ty tính theo phương pháp khấu đều (bảng tính và phân bổ khấu hao) báo xuống cho các đội, xí nghiệp, kế toán xí nghiệp sẽ phân bổ khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý đội cho các công trình đang thi công và ghi vào bảng tổng hợp phân bổ chi phí sản xuất chung.

Chứng từ sử dụng: Bảng trích khấu hao, bảng phân bổ chi phí khấu hao, Bảng kê chi phí khác

Tài khoản sử dụng: TK 627, TK 214

Số khấu hao TSCĐ phải trích trong năm = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao

Số khấu hao TSCĐ phải trích hàng tháng = Nguyên giá x Tỷ lệ khấu hao

12

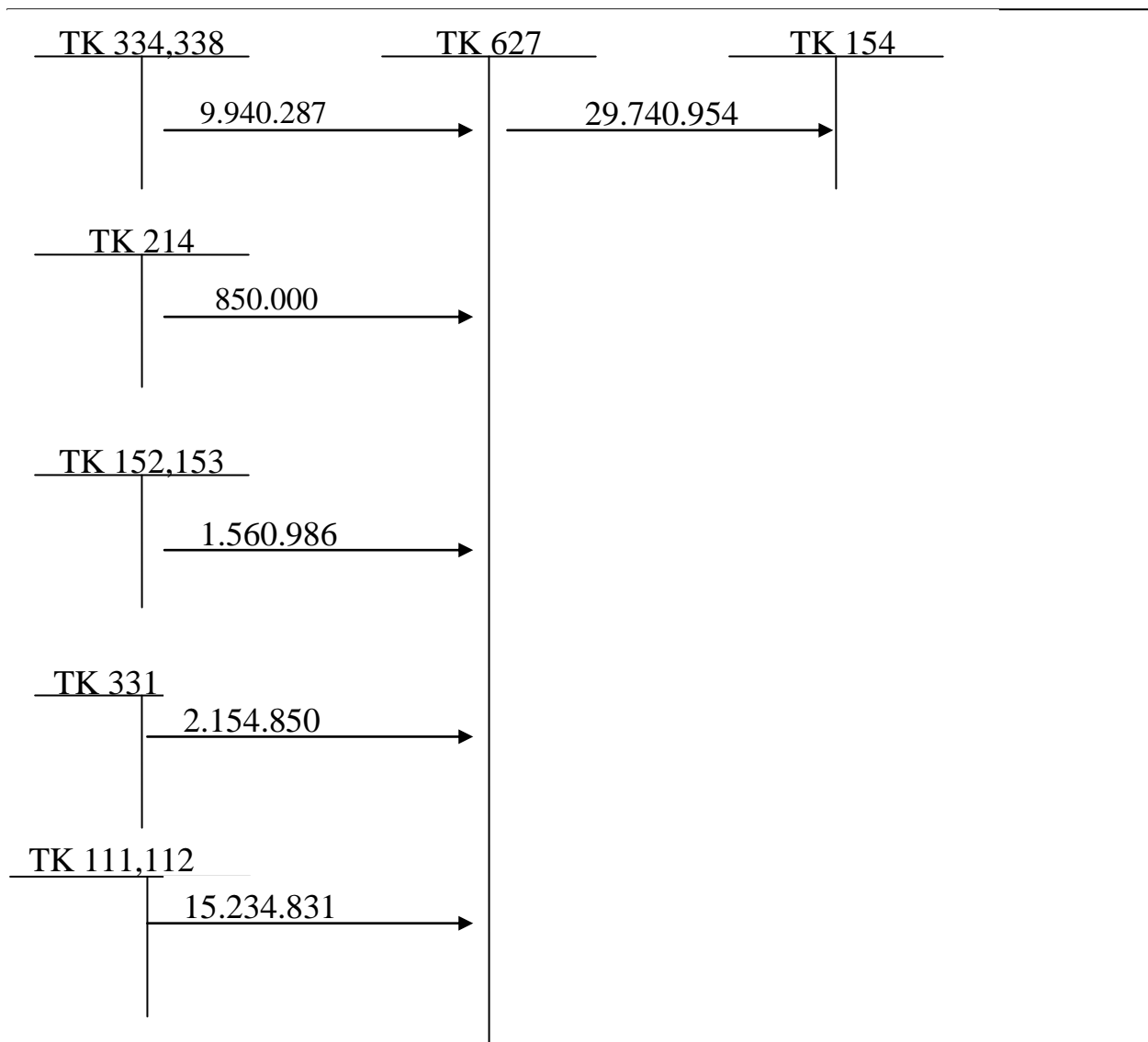
❖ **Hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền**

Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm chi phí về tiền điện, nước, điện thoại, ...
Chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp.

Chi phí khác bằng tiền: các chi phí này gồm có chi phí tiếp khách, giao dịch, chi phí làm nhà tạm, chi thanh toán vé tàu xe đi đường của nhân viên, lắp đặt điện thoại... cho ban điều hành công trình, công nhân thi công công trình. Các chứng từ gốc để hạch toán là các hoá đơn, hợp đồng, vé tàu xe..

Chi phí phát sinh trực tiếp cho công trình nào thì kế toán hạch toán cho công trình đó, còn các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều công trình thì kế toán đội, xí nghiệp tiến hành phân bổ cho các công trình theo chi phí nhân công trực tiếp.

- Chứng từ sử dụng: Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng.
- Tài khoản sử dụng: TK 6278
- Sơ đồ hạch toán:



Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán đội vào bảng kê chi phí sản xuất chung.

Biểu 16

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG KÊ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG THÁNG 10/2010

Chứng từ		Nội dung	Tổng số	NVL	Tiếp khách	Báo chí	Điện thoại	KH TSCĐ
Số	Ngày								
132	4/10	Chi tiếp khách	2.120.000		2.120.000				
134	20/10	Trả tiền điện thoại	1.450.135				1.450.135		
						
		Tổng cộng	45.784.568

Sau đó, từ bảng kê chi tiết chi phí sản xuất chung, kế toán tiến hành lập bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu 17

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 5

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG THÁNG 10

TT	Nội dung	Tổng số	Tên công trình	
			Đường Hùng Vương- Hải Phòng	Đường 239 Hải Phòng
1	Chi phí nhân viên QL (cả BHXH, KPCĐ, BHYT)	14.556.478	9.940.287	4.616.191
2	Chi phí NVL	1.320.445	870.210	450.235
3	Chi phí công cụ, dụng cụ	995.660	690.776	304.884
4	Chi phí DV mua ngoài	3.540.633	2.154.850	1.385.793
5	Chi phí khác bằng tiền	25.116.352	15.234.831	8.881.521
6	Khấu hao TSCĐ	1.255.000	850.000	405.000
	Tổng cộng	45.784.568	29.740.954	16.043.614

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Giám đốc xí nghiệp

Người lập

Sau đó, các chứng từ gốc cùng bảng kê, bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung được chuyển về Công ty, kế toán Công ty sau khi kiểm tra tính chính xác, hợp lệ sẽ lập chứng từ ghi sổ.

Biểu 18

CÔNG TY CP XÂY LẬP HẠ LONG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 510

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/10	CPSXC hai công trình đường Hùng Vương và 239 tháng 10	627	1365	45.784.568
		Cộng			45.784.568

Từ chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 627. Đồng thời từ các chứng từ gốc và bảng kê, bảng tổng hợp, kế toán vào sổ chi tiết TK 627.

Biểu 19

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CHI TIẾT TK 627- CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Công trình: Đường Hùng Vương- Hải Phòng

Quý IV/ 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		-	-
484	07/10	Chi mua xăng	1365	164.600	
407	12/10	Chi mua công cụ dụng cụ	1365	690.776	
				
		CPSXC phát sinh tháng 10		29.740.954	
				
	31/12	Kết chuyển CPSXC quý IV	154		98.222.864
		Cộng phát sinh		98.222.864	98.222.864
		Dư cuối kỳ		-	-

Biểu 20

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CÁI TK 627 – CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

QUÝ IV/2010

NT	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		-	-
31/10	510	31/10	CPSXC đường HVương- HP tháng 10	1365	29.740.954	
31/10	510	31/10	Chi phí SXC đường 239- HP tháng 10	1365	16.043.614	
					
		31/12	K/C CPSXC quý IV đường Hùng Vương quý IV	154		98.222.864
			Cộng số phát sinh		980.369.560	980.369.560
			Dư cuối kỳ		-	-

2.2.1.1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Chứng từ sử dụng: Bảng kê chứng từ chi phí

Tài khoản sử dụng: TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Sổ kế toán: Sổ chi tiết TK 154, Sổ cái TK 154

Cuối tháng, căn cứ vào các Bảng kê chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí khác, kế toán tiến hành lập Bảng kê chứng từ chi phí.

Cuối quý kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

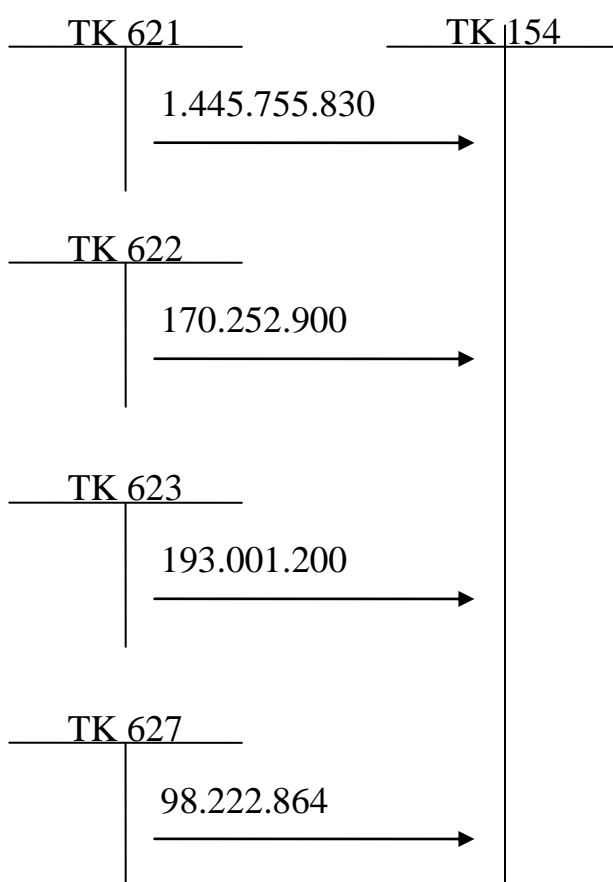
Kết chuyển chi phí vật liệu trực tiếp.

Kết chuyển chi phí máy thi công.

Kết chuyển chi phí khác.

Các nghiệp vụ kết chuyển được ghi vào Sổ chi tiết TK 154, Sổ cái TK 154.

Sơ đồ hạch toán :



Cuối quý, kế toán lập chứng từ ghi sổ cho bút toán kết chuyển.

Biểu 21

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP HẠ LONG

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 620

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
			Nợ	Có	
Số	Ngày				
		Kết chuyển CP NVL trực tiếp	154	621	1.445.755.830
		Kết chuyển CP NC trực tiếp	154	622	170.252.900
		Kết chuyển CP máy thi công	154	623	193.001.200
		Kết chuyển CPSX chung	154	627	98.222.864
		Cộng			1.907.232.794

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập

Kế toán trưởng

Luận văn tốt nghiệp

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Căn cứ vào các sổ chi tiết TK 621, TK 622, TK 623, TK 627 (mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình) kế toán ghi sổ chi tiết TK 154 cho từng công trình, hạng mục công trình.

Biểu 22

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP HẠ LONG

SỔ CHI TIẾT TK 154

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Công trình: Đường Hùng Vương- Hải Phòng

Quý IV/2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
	1/10	Dư đầu kỳ		450.972.533	
	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	621	1.445.755.830	
	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	170.252.900	
	31/12	Kết chuyển chi phí SDMTC	623	193.001.200	
	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	98.222.864	
	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632		2.073.843.333
		Cộng phát sinh		1.907.232.794	2.073.843.333
		Dư cuối kỳ		284.361.994	

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ cái TK 154

Biểu 23

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

SỔ CÁI TK 154

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Quý IV/ 2010

NT	CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		928.173.250	
...
31/12	620	31/12	Kết chuyển CPNVLTT	621	1.445.755.830	
31/12	620	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT	622	170.252.900	
31/12	620	31/12	Kết chuyển CPSDMTC	623	193.001.200	
31/12	620	31/12	Kết chuyển chi phí SXC	627	98.222.864	
31/12	621	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632		2.073.843.333
...
			Cộng phát sinh		11.362.458.390	10.801.199.322
			Số dư cuối kỳ		1.489.432.318	

2.2.2 Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang.

Tại các doanh nghiệp xây lắp, sản phẩm dở dang cuối kỳ thường có giá trị rất lớn. Bên cạnh đó, do sản phẩm xây lắp có kết cấu và đặc điểm kỹ thuật phức tạp nên để đánh giá chính xác giá trị sản phẩm dở dang là rất khó. Việc kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long thường được tiến hành vào cuối mỗi quý. Với công trình thanh toán (nghiệm thu) một lần, sản phẩm dở dang được coi là sản phẩm chưa hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. Tuy nhiên, đối với các công trình có giá trị lớn, thời gian thi công kéo dài thì chủ đầu tư và Công ty thống nhất nghiệm thu theo điểm dừng kỹ thuật của từng hạng mục công trình để thanh toán.

Các công trình xây dựng ở Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long thường được nghiệm thu theo các bước sau:

Bước 1: Nghiệm thu nội bộ: Phòng Kinh tế- Kỹ thuật, chỉ huy công trường, xí nghiệp xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công cho Xí nghiệp xây dựng và lập báo cáo nghiệm thu bước 2

Bước 2: Nghiệm thu cơ sở do cán bộ giám sát kỹ thuật của Ban quản lý dự án nghiệm thu với Công ty hoặc Công ty tạm chấp nhận khối lượng hoàn thành 80% của bước 1 để lập báo cáo.

Bước 3: Nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư (ban A) theo giai đoạn điềm dừng kỹ thuật. Căn cứ vào bước nghiệm thu này, Công ty lập hồ sơ dự toán thanh toán giá trị xây lắp hoàn thành.

Bước 4: Nghiệm thu cấp bộ chủ quản (Nhà nước) quyết toán công trình đưa vào sử dụng.

Cuối mỗi quý, đại diện phòng kinh tế- kế hoạch cùng với kỹ thuật viên công trình và chủ nhiệm công trình tiến hành kiểm kê, xác định phần khối lượng xây lắp đã thực hiện được trong quý; tổ chức bàn giao, nghiệm thu với bên A để xác định khối lượng xây lắp được bên A nghiệm thu chấp nhận thanh toán. Khối lượng xây lắp dở dang chính là hiệu số giữa khối lượng xây lắp được nghiệm thu ở bước 1 với khối lượng xây lắp hoàn thành được bên A nghiệm thu chấp nhận thanh toán.

Sau đó, Phòng Kinh tế- Kế hoạch sẽ lập đơn giá dự toán phù hợp với từng công việc, từng công trình cụ thể rồi gửi cho Phòng Kế toán- Tài chính. Phòng kế toán- tài chính sau khi nhận được những tài liệu trên sẽ tiến hành xác định phần chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối quý. Công việc xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối quý theo phương pháp trực tiếp được kế toán thực hiện như sau(Biểu 24)

Biểu 24

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

TRÍCH BẢNG XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THỰC TẾ KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP DỜ DANG

Công trình: Đường Hùng Vương- Hải Phòng - Quý IV/ 2010

STT	Hạng mục	KL do BCH CT b/cáo nghiệm thu nội bộ	KL được bên A chấp nhận thanh toán	KL chưa được bên A chấp nhận	Đơn giá đấu thầu (giá được duyệt)	Chi phí sản xuất dở dang
1	2	3	4	5	6	7=5x6
I	Công tác đất					
1	Đào đất (m3)	3.750	3.650	100	56.760	5.676.000
2	Đắp đất (m3)	5.700	5.500	200	76.000	15.200.000
II	Cầu, cống					
1	Bê tông(m3)	2.350	2.300	50	1.120.000	56.000.000
2	Xây đá(m3)	3.250	3.100	150	650.000	97.500.000

	Cộng					284.361.994

Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu nội bộ (bước 1) và biên bản nghiệm thu cơ sở (bước 2) phòng Kinh tế – Kế hoạch cung cấp cho phòng kế toán-tài chính các số liệu văn bản được Ban A- quản lý dự án xác nhận. Phòng Kế toán- tài chính xác định dự toán khối lượng hoàn thành bàn giao và chi phí khối lượng dở dang cuối kỳ như sau:

Biểu 25

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

TRÍCH BẢN BÁO CÁO GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG- THU VỐN- KHỐI LƯỢNG

DỠ DANG

Quý IV/2010

STT	Công trình	Dự toán chi phí KLXL hoàn thành bàn giao	Chi phí dở dang cuối kỳ
1	Đường Hùng Vương- Hải Phòng	2.097.428.760	284.361.994
2	Nhà A2-3 Dự án 678	1.687.980.540	350.452.126
3	Đường 239- Hải Phòng	450.860.243	65.701.253

	Tổng cộng	XXXX	XXXX

2.2.3 Kế toán tính giá thành sản phẩm

2.2.3.1 Đối tượng tính giá thành

Do đặc điểm của Công ty xây dựng thuộc loại hình sản xuất đơn chiếc, quy trình sản xuất phức tạp, thời gian kéo dài nên đối tượng tính giá thành tại Công ty là các công trình, hạng mục công trình.

Kế toán Công ty tiến hành tính giá thành sản phẩm xây lắp khi sản phẩm được hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư và chủ đầu tư chấp nhận thanh toán. Như vậy kỳ tính giá thành không trùng với kỳ kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp trực tiếp để tính giá thành sản phẩm xây lắp: Giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ của từng công trình, hạng mục công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{r}
 \text{Giá thành thực tế} \\
 \text{SPXL hoàn thành} \\
 \text{bàn giao trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{XL dở dang} \\
 \text{ĐK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{XL phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{r}
 \text{Chi phí thực} \\
 \text{tế XL dở} \\
 \text{dang CK}
 \end{array}$$

2.2.3.2. Phương pháp hạch toán

Do sản phẩm xây lắp có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sản xuất kéo dài nên Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình và tiến hành tính giá thành theo quý. Cuối quý, khi việc tập hợp chi phí được hoàn tất, kế toán tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp theo công thức sau:

$$Z = D_{dk} + PS_{tk} - D_{ck}$$

Trong đó : Z: Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

D_{dk} : Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ

PS_{tk} : Chi phí phát sinh trong kỳ

D_{ck} : Chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ

Đối với công trình đường Hùng Vương- Hải Phòng, ta có:

Chi phí dở dang đầu kỳ: 450.972.533 đ

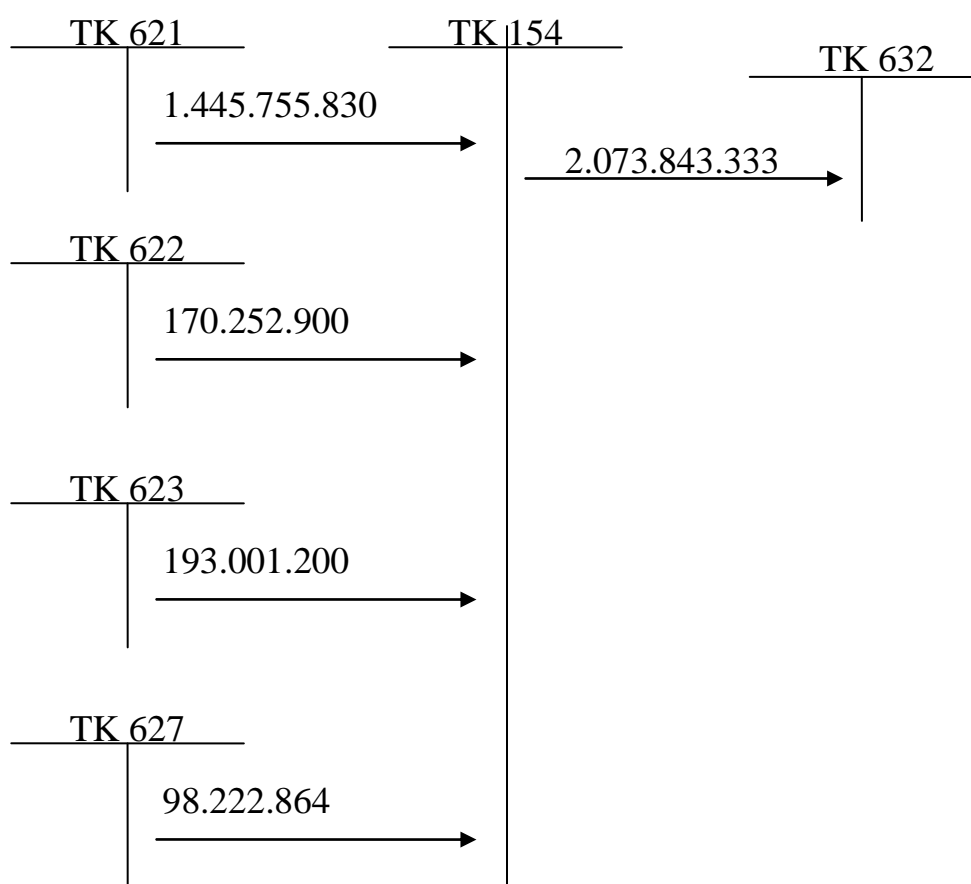
Chi phí phát sinh trong kỳ: 1.907.232.794 đ

Chi phí dở dang cuối kỳ: 284.361.994 đ

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp ngày 31/12/2010 và phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư, Công ty xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp đã được nghiệm thu là:

$$Z = 450.972.533 + 1.907.232.794 - 284.361.994 = \mathbf{2.073.843.333 \text{ đ}}$$

➤ Sơ đồ hạch toán :



Biểu 26

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

Công trình: Đường Hùng Vương- Hải Phòng

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền
1. Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	450.972.533
2. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	1.907.232.794
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.445.755.830
- Chi phí nhân công trực tiếp	170.252.900
- Chi phí sử dụng máy thi công	193.001.200
- Chi phí sản xuất chung	98.222.864
3. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	284.361.994
4. Giá thành sản phẩm hoàn thành (1+2-3)	2.073.843.333

Sau đó, kế toán lập chứng từ ghi sổ

Biểu 27

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG

CHỨNG TỪ GHI SỔ Số 621

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
	31/12	Bàn giao HMCT hoàn thành	632	154	2.073.843.333
		Cộng			2.073.843.333

Để xác định giá thành toàn bộ, Công ty phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng công trình, hạng mục công trình theo tổng doanh thu các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao trong kỳ. Bởi các công trình có quy mô, đặc điểm khác nhau như nhà, đường, kè,...nên tỉ trọng các khoản mục chi phí trong giá thành công trình khác nhau do đó nếu sử dụng tiêu thức phân bổ là nguyên vật liệu trực tiếp hay nhân công trực tiếp là không hợp lý vì vậy Công ty chọn tiêu thức phân bổ là tổng doanh thu các công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao trong kỳ

CHƯƠNG III:

**KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP HẠ LONG.**

3.1 Nhận xét đánh giá về tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây lắp Hạ Long.

Trong những năm qua, đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long đã không ngừng phấn đấu, tìm tòi, sáng tạo, tiếp cận thị trường, mở rộng quy mô kinh doanh, thu hút khách hàng. Nhờ vậy, Công ty đã tìm được việc làm đều đặn, sản xuất đi vào ổn định, hàng năm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, đời sống của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, Công ty còn có những chính sách lương bổng, đãi ngộ thỏa đáng, quan tâm đến lợi ích của người lao động vì thế đã khích lệ được tinh thần lao động hăng say, nhiệt tình, sáng tạo và có trách nhiệm cao ở họ.

Bên cạnh công việc hàng năm Tổng công ty giao, Công ty đã mạnh dạn tìm kiếm thị trường, ký kết được nhiều hợp đồng mới. Toàn thể lãnh đạo, công nhân viên trong Công ty không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ đồng thời mạnh dạn tiếp cận địa bàn và chủ đầu tư liên doanh liên kết, chú trọng nâng cao chất lượng làm hồ sơ dự thầu nên đã trúng nhiều gói thầu có giá trị tương đối lớn. Với sự phấn đấu không ngừng, Công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong ngành xây dựng, khẳng định được chỗ đứng của mình trên thương trường.

Có được kết quả trên một phần là nhờ Công ty đã xây dựng được bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, có thể tiếp cận với tình hình sản xuất thực tế tại các công trường nên có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ. Đồng thời việc áp dụng cơ chế khoán gọn xuống từng xí nghiệp xây dựng đã tiết kiệm được chi phí quản lý, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ thi công góp phần hạ giá thành công trình.

Bên cạnh đó không thể không kể đến sự đóng góp quan trọng của phòng tài chính kế toán, nhất là trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành công trình.

Việc áp dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính) và chế độ kế toán doanh nghiệp xây lắp (theo quyết định số 1864/1998/QĐ/BTC ngày 16/12/1998) đã góp phần củng cố và hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty.

Qua thời gian nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long, em mạnh dạn đưa ra một số đánh giá về ưu điểm nổi bật và những tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng tại công ty.

3.1.1 Những ưu điểm nổi bật.

3.1.1.1 Về bộ máy quản lý.

Công ty đã xây dựng được bộ máy quản lý chặt chẽ, gọn gàng, hiệu quả. Các Ban phục vụ có hiệu quả và có thể tiếp cận với tình hình thực tế tại công trường. Do vậy, các thông tin cần thiết trong việc giám sát kỹ thuật, quá trình lắp đặt thi công luôn luôn được cung cấp phù hợp với yêu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Từ đó, tạo điều kiện cho xí nghiệp chủ động trong lắp đặt thi công và quan hệ với khách hàng, nâng cao uy tín của xí nghiệp trên thị trường.

- Mô hình quản lý trực tuyến chức năng giúp cho xí nghiệp phát huy được khả năng sẵn có của bản thân và khắc phục được nhược điểm tồn tại.

- Sự phân cấp chức năng quản trị hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản lý có thể độc lập giải quyết công việc thuộc phạm vi chức năng của mình.

- Chế độ thủ trưởng và trách nhiệm cá nhân được thực hiện nghiêm ngặt.

3.1.1.2 Về bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, quy trình làm việc khoa học với đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ, có chuyên môn tốt, ý thức trách nhiệm cao và nhiệt tình trong công việc, luôn phát huy hết khả năng của mình đồng thời không ngừng học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau về chuyên môn nghiệp vụ. Trong bộ máy kế toán, mỗi nhân viên đều được quy định rõ chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tạo nên mối liên hệ lệ thuộc, chế ước lẫn nhau. Do có sự phân công lao động kế toán nên đã tạo điều kiện đi sâu vào từng phần hành đồng thời không có sự chông chéo công việc giữa các nhân viên kế toán. Điều này giúp cho bộ máy kế toán hoạt động bắt nhịp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý.

3.1.1.3 Về hình thức ghi sổ.

Việc áp dụng hình thức sổ kế toán “chứng từ ghi sổ” là thuận tiện và phù hợp với khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán và đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.1.4 Về hệ thống chứng từ kế toán.

Chứng từ vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Nhìn chung, hệ thống chứng từ ban đầu của công ty được kiểm tra và tổ chức luân chuyển khá chặt chẽ và hợp lý. Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Ngoài ra, còn một số chứng từ khác theo quy định của ngành, sau quá trình luân chuyển các chứng từ được lưu ở hồ sơ từng công trình riêng biệt, rất thuận lợi cho việc điều tra sau này. Kế toán chi phí thường xuyên đối chiếu với kế toán các phần hành khác và các chứng từ gốc do đó hạch toán được chính xác và đầy đủ mọi chi phí phát sinh.

3.1.1.5 Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công ty đã xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là từng công trình, hạng mục công trình phù hợp với đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ và đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty xác định phương pháp tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình là phù hợp với đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Ngoài ra, với phương pháp tính giá thành mà Công ty áp dụng là phương pháp trực tiếp có ưu điểm tương đối đơn giản, chính xác, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

3.1.1.6 Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Công ty đã áp dụng phương pháp hạch toán các chi phí sản xuất phát sinh theo từng công trình, hạng mục công trình giúp thuận lợi trong việc giám sát, quản

lý việc sử dụng tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất, tình hình thực hiện tiến độ thi công công trình ở từng đội. Công ty thực hiện giao khoán nhiệm vụ xuống các đội nhờ đó công ty đã tiết kiệm được chi phí quản lý, giảm thiểu hao hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển vật tư từ kho của công ty đến công trường, đồng thời nâng cao được tính chủ động, góp phần đẩy mạnh tiến độ thi công, đảm bảo không ngừng nâng cao hiệu quả quản lý cũng như hiệu quả sản xuất.

- ***Hạch toán chi phí nguyên vật liệu:***

Việc lập kế hoạch mua vật tư hàng tháng ở các xí nghiệp (đội xây dựng) trên cơ sở tiến độ thi công công trình và mức dự toán, tiến hành mở kho đối với những nguyên vật liệu chính, quan trọng đã bắt kịp được tiến độ thi công công trình, sự biến động của giá cả vật tư trên thị trường. Bên cạnh đó, tại các xí nghiệp trực thuộc, việc theo dõi nhập xuất vật tư được kiểm soát chặt chẽ và ghi chép đầy đủ thông qua các chứng từ như phiếu nhập kho, xuất kho, bảng tổng hợp vật tư nhập, bảng tổng hợp vật tư xuất, giúp kế toán Công ty ghi sổ nhanh chóng, dễ dàng.

- ***Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:***

Tại công trường, kế toán xí nghiệp đã theo dõi chi phí nhân công chặt chẽ, chính xác thông qua các chứng từ như bảng chấm công, hợp đồng làm khoán... Việc áp dụng hình thức tiền lương theo thời gian đối với bộ phận lao động gián tiếp, theo sản phẩm đối với bộ phận lao động trực tiếp đã quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động. Hình thức trả lương theo sản phẩm đã khuyến khích người lao động luôn phấn đấu hoàn thành khối lượng công việc được giao. Đối với bộ phận lao động gián tiếp, việc trả lương theo thời gian kết hợp với thưởng năng suất đã nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc quản lý và chỉ đạo sản xuất.

- ***Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:***

Qua bảng tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công đã đánh giá được chính xác giá trị phục vụ của máy thi công cũng như chi phí sử dụng máy tạo điều kiện thuận lợi trong hạch toán giá thành.

- ***Hạch toán chi phí sản xuất chung:***

Chi phí sản xuất chung được theo dõi chi tiết theo từng khoản mục giúp quản lý chặt chẽ khoản chi phí này. Các chứng từ phát sinh được tập hợp theo đúng nội dung kinh tế, có sự so sánh giữa các công trình.

Chi phí sản xuất chung được theo dõi chính xác, phân bổ tương đối hợp lý qua việc theo dõi các sổ chi tiết và bảng phân bổ. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung phản ánh đúng và đủ theo từng khoản mục phát sinh, bảng phân bổ cho phép phân bổ hợp lý giữa các công trình và giảm bớt gánh nặng đối với kế toán viên.

3.1.2 Một số tồn tại cần khắc phục.

3.1.2.1 Về luân chuyển chứng từ kế toán.

Do các công trình mà công ty thi công nằm trên địa bàn rộng, việc mua vật tư thường trả tiền sau nên các chứng từ nộp về Phòng kế toán thường chậm trễ. Các chứng từ thường được đưa về chậm hơn so với thời gian quy định, có một số công trình đã hoàn thành được 1-2 tháng nhưng vẫn chưa tập hợp được chi phí, đến cuối tháng dồn nhiều công trình lại với nhau, làm ảnh hưởng tới sự chính xác và kịp thời của Báo cáo tài chính. Do vậy, công tác kế toán thường gặp nhiều khó khăn, bị dồn nhiều vào cuối kỳ khiến cho kế toán chịu nhiều áp lực về thời gian hoàn thành báo cáo định kỳ, dẫn đến những sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi nhầm, làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định và ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.1.2.2 Về công tác hạch toán chi phí.

- Chi phí sản xuất chung: Khoản mục chi phí này được kế toán tập hợp riêng cho từng công trình và theo dõi trên mã số tài khoản riêng. Khi hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán hạch toán cả những nội dung kinh tế thuộc nội dung tài khoản 623-Chi phí sử dụng máy thi công phần tiền thuê máy thi công. Làm cho khoản mục chi phí sản xuất chung chiếm tỷ trọng khoảng 70 % trong giá thành các công trình.

Mặt khác, chi phí sản xuất chung có nhiều khoản mục phát sinh khách quan và đôi khi không có chứng từ gốc để xác minh. Điều này càng làm cho khoản mục

chi phí sản xuất chung lớn, ảnh hưởng đến việc phân tích tỷ trọng các khoản mục chi phí trong tổng giá thành và làm cho giá thành tăng cao.

- Hạch toán chi phí bảo hành sản phẩm: Đối với mỗi công trình, kế toán công ty phải tiến hành trích trước chi phí bảo hành công trình trong thời hạn nhất định nào đó; có thể là 1 năm, 2 năm,... Phân chi phí bảo hành công trình được hạch toán vào tài khoản 641. Ở đây công ty không tiến hành trích trước chi phí bảo hành công trình. Điều này làm cho việc tính giá thành công trình xây lắp là không chính xác (hay chính là làm cho giá thành công trình thấp đi).

- Chi phí nguyên vật liệu: Chi phí nguyên vật liệu ở xí nghiệp chiếm tỷ trọng không nhiều, tuy nhiên với phương thức khoán gọn cho từng công trình nên công việc kiểm tra lượng vật tư cho từng công trình không đơn giản. Hơn nữa, kế toán chỉ căn cứ vào hóa đơn, chứng từ từ các đội gửi lên nên khó nắm bắt được chính xác và chặt chẽ tình hình thực tế về sử dụng nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến công việc hạch toán đúng, đủ, chính xác chi phí nguyên vật liệu cho mỗi công trình. Dẫn đến việc dự toán chi phí nguyên vật liệu cho mỗi công trình và tính giá thành dự toán cho công trình đó gặp bất lợi.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Hiện nay tại Công ty tiến hành theo dõi chấm công cho các tổ máy thi công cũng giống như các tổ đội sản xuất khác là chưa hợp lý vì trong sản xuất không phải lúc nào máy thi công cũng hoạt động, cùng một máy thi công trong một kỳ có thể tham gia sản xuất tại nhiều công trình khác nhau.

Ngoài ra, sửa chữa lớn máy thi công là một nhu cầu không thể thiếu để duy trì năng lực làm việc của xe, máy thi công nhưng công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công. Như vậy, khi xảy ra tình trạng máy thi công hỏng hóc phải sửa chữa lớn sẽ gây ra sự biến động về chi phí sản xuất trong kỳ.

3.1.2.3 Về việc áp dụng hình thức sổ kế toán.

Hiện tại công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Tương lai, khi công ty lớn mạnh thì việc ghi chép dễ trùng lặp, dễ nhầm lẫn. Nhiều loại sổ sách nên việc

đối chiếu, kiểm tra phải thực hiện thường xuyên làm cho việc lập báo cáo và tính toán các chỉ tiêu bị chậm lại.

3.1.2.4 Về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.

Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long tính giá khối lượng xây lắp dở dang bằng cách lấy khối lượng xây lắp dở dang thực tế nhân với đơn giá dự toán. Như vậy, Công ty đã coi giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang như là chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ. Với phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang mà Công ty đang áp dụng như trên là chưa thật chính xác. Khi đó, giá thành sản phẩm sẽ không phù hợp với chi phí thực tế đã bỏ ra dẫn đến việc phản ánh sai lệch tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp cũng như việc xác định kết quả kinh doanh; bên cạnh đó làm ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin cung cấp cho nhà quản trị ra quyết định.

3.1.2.5 Về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất.

**** Về thu hồi công nợ công trình.***

Trong xây dựng cơ bản nhu cầu vốn sử dụng cho sản xuất là rất lớn, thu hồi vốn chậm. Các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được bên A chấp nhận thanh toán, công trình đã hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, lợi nhuận đã phân phối, nhưng tiền còn nợ đọng trên TK 131 “phải thu của khách hàng” có công trình đã trên một năm (như công trình Sở y tế Trảng Định hoàn thành bàn giao tháng 5/2009). Nhiều lần trong năm 2010 Công ty đã cử người đến bên A yêu cầu thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán được.

**** Về việc đảm bảo vốn cho các xí nghiệp phụ thuộc (các đội thi công).***

Kế toán Công ty căn cứ vào kế hoạch thi công của các đội, xí nghiệp và các yếu tố có liên quan sẽ tiến hành cấp vốn (ứng vốn) cho các đội, xí nghiệp. Hàng quý vào tháng cuối quý mới thanh toán hoặc đến khi công trình hoàn thành nghiệm thu nội bộ mới tổ chức thanh quyết toán.

Xét trên góc độ quản lý vốn có thể nhu cầu thực tế tại thời điểm chưa cần đến một lượng vốn như kế hoạch hoặc như đề nghị của đội, xí nghiệp nhưng Công ty vẫn tạm ứng tạo nên thiếu vốn ở xí nghiệp này nhưng ở xí nghiệp khác vốn lại chưa sử dụng hết.

3.1.2.6 Về vận dụng tin học vào công tác quản lý và kế toán.

Mặc dù một số phần hành của công ty đã được đưa vào sử lý trên máy vi tính nhưng kế toán thủ công vẫn là chủ yếu. Hầu như các nghiệp vụ đều ghi chép thủ công và chỉ được đưa vào máy để lưu hoặc khi cần in sao. Cùng với sự phát triển của công ty, khối lượng công tác kế toán sẽ ngày một tăng, làm kế toán thủ công sẽ gặp rất nhiều khó khăn, dễ dẫn đến ghi nhầm, ghi thiếu, việc hoàn thành ghi sổ kế toán vào cuối tháng, cuối kỳ thường chậm trễ.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Hạch toán kế toán là nhu cầu khách quan của xã hội và là một công cụ quan trọng phục vụ cho quản lý kinh tế tài chính, đồng thời cũng là một công cụ đặc lực của Nhà nước trong việc chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để tồn tại và phát triển lâu dài, doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu tự khẳng định mình. Với nguồn lực có hạn, muốn nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn con đường nào khác là doanh nghiệp phải tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp phải làm tốt nhiều mặt từ khâu cung cấp đầu vào, tổ chức sản xuất cho tới tiêu thụ, đặc biệt là phải đề ra được biện pháp tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, khai thác tối đa mọi tiềm năng sẵn có về nguyên vật liệu, lao động...Do đó, hạch toán kế toán với chức năng cơ bản là cung cấp thông tin cho nhà quản lý ra quyết định kinh doanh, đã khẳng định vai trò không thể thiếu đối với quản trị doanh nghiệp đặc biệt là vai trò của công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành đầy đủ, kịp thời, chính xác không chỉ giúp cho việc phản ánh đúng đắn tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh mà còn cung cấp kịp thời thông tin cho nhà quản lý. Vì thế, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc rất cần thiết

góp phần tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, hoàn thiện công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm giúp cho doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý của Nhà nước đồng thời thực hiện nguyên tắc tiết kiệm, khoa học trong công tác kế toán và nhờ đó cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng. Như vậy, hoàn thiện hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu có tính chiến lược đối với sự phát triển và lớn mạnh của mọi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long, được sự chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của các cô, chú trong phòng Kế toán - tài chính, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng hạch toán tại công ty. Dưới đây, em xin được đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại công ty.

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3.2.2.1 Kiến nghị 1: Về luân chuyển chứng từ kế toán.

Nhằm khắc phục tình trạng luân chuyển chứng từ chậm trễ dẫn đến hậu quả là công việc dồn ép vào cuối kỳ, dễ mắc phải những sai lầm, thiếu sót trong tính toán, không cập nhật sổ sách đúng quy định thì công ty có thể đôn đốc kế toán công trình nộp chứng từ về Ban kế toán công ty theo đúng thời gian quy định, đưa ra những hình thức khiển trách và kỷ luật đối với các trường hợp không tuân thủ đúng, đồng thời, khuyến khích động viên cán bộ nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực chủ động, sáng tạo trong lao động bằng các hình thức khen thưởng phù hợp. Ngoài ra công ty nên cử nhân viên thường xuyên xuống các công trình để giám sát kiểm tra việc ghi chép, cập nhật chứng từ,...nhằm phát hiện và ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra như tránh tiếp nhận chứng từ không hợp lệ.

3.2.2.2 Kiến nghị 2: Về công tác hạch toán chi phí.

- Đối với chi phí nguyên vật liệu:

Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu và biện pháp hạ giá thành sản phẩm. Tiết kiệm chi phí không phải là cắt xén bớt lượng nguyên vật liệu cho thi công mà phải đảm bảo định mức, hạn chế những hao hụt trong bảo quản, thi công và vận chuyển. Vì vậy, để thực hiện mục tiêu này, công ty nên:

Cố gắng giảm tới mức tối thiểu hao hụt trong quá trình bảo quản, vận chuyển và đặc biệt là khâu thi công. Để đảm bảo được yêu cầu đó, trước hết xí nghiệp cần phải tổ chức kho nguyên vật liệu cho đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Tăng cường thiết lập mối quan hệ ổn định với nhà cung cấp, giữ uy tín trong quan hệ kinh doanh trên cơ sở ký kết hợp đồng mua vật tư với họ trong thời gian dài với địa điểm và thời gian giao nhận vật tư được xác định phù hợp với yêu cầu công việc và tiến độ thi công công trình. Hơn nữa, việc giao nhận vật tư thỏa thuận theo tiến độ thi công sẽ hạn chế được tình hình hao hụt vật tư khi bảo quản trong thời gian dài.

Đặc biệt là phải quản lý và bảo quản tốt vật tư nhằm không để xảy ra hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp đồng thời sử dụng vật tư tiết kiệm, tránh lãng phí; có chế độ khen thưởng cũng như xử phạt thích đáng đối với những cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí vật tư.

➤ Đối với chi phí sản xuất chung:

Khoản mục chi phí này làm tăng giá thành các công trình nếu như kế toán hạch toán không đúng. Để thuận tiện cho việc tính toán tỷ trọng từng loại chi phí trong tổng giá thành của các công trình, kế toán tiến hành hạch toán các khoản mục chi phí phát sinh theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ đó. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại xí nghiệp, xí nghiệp cần có các quyết định cụ thể nhằm giảm bớt các khoản chi phí này như các khoản chi đều phải có chứng từ xác minh,...

➤ Khoản chi phí bảo hành công trình được hạch toán như sau:

+ Tính trước chi phí bảo hành công trình, kế toán ghi:

Nợ TK 641 (6415)

Có TK 335 (3351)

- Chi phí phát sinh trong thời gian bảo hành công trình:

+ Trường hợp không có bộ phận bảo hành độc lập, kế toán ghi:

Nợ TK 335 (3351)

Có TK 111, 152, ...

+ Trường hợp có bộ phận bảo hành độc lập, kế toán ghi:

Nợ TK 335 (3351)

Có TK 336, 111, 112, ...

- Hết thời gian bảo hành công trình:

+ Nếu số trích trước chi phí bảo hành công trình lớn hơn chi phí thực tế, số chênh lệch được tính vào thu nhập khác:

Nợ TK 335 (3351)

Có TK 711

+ Nếu số trích trước chi phí bảo hành công trình nhỏ hơn chi phí thực tế, số chênh lệch kế toán phản ánh:

Nợ TK 641 (6415)

Có TK 335 (3351)

- Kết thúc thời gian bảo hành công trình và giao sản phẩm cho khách hàng:

Nợ TK 335 (3351)

Có TK 154

➤ Đối với chi phí sử dụng máy thi công:

Theo em Công ty nên lập nhật trình sử dụng xe máy thi công để phục vụ cho công tác theo dõi tình hình sử dụng xe máy trong tổ, xí nghiệp theo mẫu sau:

Đơn vị: Công ty cổ phần xây lắp Hạ Long Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Địa chỉ: 407 Lê Lai- Ngô Quyền- HP Nam

Nhật trình sử dụng xe máy thi công

Từ ngày ... đến ngày ... tháng ... năm

Tên xe máy:

Họ tên ca trưởng:

NT	Ca (Từ...giờ phút đến...giờ phút)	Nội dung công việc	Khối lượng		Kỹ thuật thi công xác nhận
			Bsáng	Bchiều	

Thứ hai, để khắc phục tình trạng mất cân đối về chi phí sử dụng máy thi công giữa các kỳ, Công ty nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn máy thi công dự tính sẽ phát sinh.

Nợ TK 136 - Chi tiết cho xí nghiệp xây dựng

 Có TK 335 - Trích trước chi phí sửa chữa lớn.

Đồng thời ghi : Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

 Có TK 136 - Chi tiết cho xí nghiệp xây dựng.

Trích trước nhưng không sửa chữa kế toán ghi:

Nợ TK 335 - Trích trước chi phí sửa lớn

 Có TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

3.2.2.3 Kiến nghị 3: Về việc áp dụng hình thức sổ kế toán.

Hiện tại công ty sử dụng hình thức chứng từ - ghi sổ, trong tương lai, công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển quy mô hoạt động đồng thời việc sử dụng kế toán máy là cần thiết thì việc thay đổi hình thức sổ kế toán là tất yếu.

Vì vậy công ty nên tổ chức theo hình thức Nhật ký chung. Vì hình thức này dễ thao tác trên máy, luôn sử dụng chương trình phần mềm kế toán. Tạo điều kiện cho nhân viên kế toán dễ dàng kiểm tra đối chiếu chi tiết theo chứng từ gốc.

3.2.2.4 Kiến nghị 4: Về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.

Để đảm bảo việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm theo em Công ty nên thay đổi phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{hoàn thành trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{khối lượng xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của công trình đường Hùng Vương – Hải Phòng tính theo công thức như trên sẽ là:

$$\frac{450.972.533 + 1.907.232.794}{2.097.428.760 + 284.361.994} \times 284.361.994 = 281.546.130$$

Khi đó, giá thành thực tế hạng mục công trình đường Hùng Vương- Hải Phòng hoàn thành bàn giao sau khi tính lại chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ sẽ là:

$$Z = 450.972.533 + 1.907.232.794 - 281.546.130 = 2.076.659.197đ$$

So sánh:

Chỉ tiêu	Số liệu kế toán	Số liệu sau khi kiến nghị	Chênh lệch	
			Số tiền	%
Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	284.361.994	281.546.130	-2.815.864	-0,99
Giá thành sản phẩm hoàn thành (Z)	2.073.843.333	2.076.659.197	2.815.864	0,99

3.2.2.5 Kiến nghị 5: Về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất

*** Về thu hồi công nợ công trình.**

Để tránh tình trạng ứ đọng vốn quá nhiều do khách hàng nợ (được mở chi tiết trên tài khoản 131) trước khi đấu thầu, giao nhận thầu, ký kết hợp đồng kinh tế Công ty phải xem xét kỹ khả năng tài chính cũng như các khả năng thanh toán của chủ đầu tư. Đưa các yếu tố chuyển vốn thanh toán giữa chủ đầu tư với Công ty tương ứng với khối lượng chất lượng tiến độ hoàn thành của công trình để chủ đầu tư (bên A) chủ động bố trí thanh toán vốn khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

*** Về việc đảm bảo vốn cho các xí nghiệp phụ thuộc (các đội thi công)**

Về vấn đề này em xin kiến nghị Công ty nên có chính sách khuyến khích các đội, xí nghiệp tự huy động vốn từ các nguồn khác đồng thời phân phối hợp lý vốn cho các công trình, hạng mục công trình. Hàng tháng các kế toán đội phải về phòng Kế toán tài chính của Công ty để thanh toán tiền tạm ứng, thanh toán tiền tạm ứng kỳ trước xong mới tạm ứng tiền cho kỳ sau như vậy sẽ thuận lợi cho phòng Kế toán theo dõi được quá trình sử dụng vốn và tránh dồn việc vào cuối quý.

3.2.2.6 Kiến nghị 6: Về vận dụng tin học vào công tác quản lý và kế toán.

Để tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả làm việc cao hơn cho kế toán viên, trong trường hợp có khả năng về tài chính, công ty nên nhanh chóng đầu tư cho việc sử dụng kế toán máy trong công tác kế toán. Cụ thể là tăng cường đầu tư mua sắm máy móc, lắp đặt chương trình phần mềm kế toán, đào tạo, bồi dưỡng thêm cho đội ngũ nhân viên kế toán về kế toán máy.

KẾT LUẬN

Để tồn tại phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt và xu hướng hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn tự đổi mới và hoàn thiện. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp là một vấn đề cần thiết thường xuyên. Những thông tin mà kế toán cung cấp đặc biệt là thông tin về chi phí và giá thành sản phẩm giúp doanh nghiệp có cơ sở xác định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá được khả năng và thực trạng sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, từ đó đề ra những biện pháp quản lý kinh doanh thích hợp. Ngoài ra, những thông tin này còn là cơ sở để doanh nghiệp phân tích, đánh giá phục vụ công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp nhằm mục tiêu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả của chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do đó, cải tiến và hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sự phát triển và lớn mạnh của doanh nghiệp nhằm phát huy vai trò kế toán là giám đốc bằng tiền đối với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách toàn diện và có hệ thống, phát hiện và khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

Khóa luận: “ Hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long” phần nào đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long nói riêng và các công ty xây dựng và các công ty xây dựng khác nói chung.

Khóa luận đã đề cập tới những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: Khóa luận đã nêu một cách hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và hạch toán kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng.

Về mặt thực tiễn: Khóa luận đã phản ánh đầy đủ trung thực kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm ở Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long với số liệu tình hình của năm 2010 để minh chứng cho các lập luận đã đưa ra.

Về hướng hoàn thiện: Trên cơ sở lý luận, đối chiếu, so sánh với thực tiễn khóa luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành trên các mặt:

- Về luân chuyển chứng từ kế toán.
- Về công tác hạch toán chi phí.
- Về việc áp dụng hình thức sổ kế toán.
- Về phương pháp kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang.
- Về vấn đề quản lý vốn cho sản xuất.
- Về vận dụng tin học vào công tác quản lý và kế toán.

Các kiến nghị đều có cơ sở thực tế của Công ty Cổ phần xây lắp Hạ Long nên có tính khả thi cao. Đáng rằng tác giả chưa có thực tế nhiều, thời gian thực tập ngắn nên không tránh khỏi còn mang đậm màu sắc lý thuyết. Tuy nhiên, đây là một đề tài rất rộng, phức tạp, thời gian thực hiện cũng như khả năng tiếp cận thực tế còn nhiều hạn chế nên bài viết chưa thể giải quyết triệt để mọi vấn đề. Do vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chỉ bảo của các thầy cô, các cô chú, anh chị trong Ban kế toán Công ty để em có thể hoàn thành tốt hơn luận văn này.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện, giúp đỡ, hỗ trợ em trong quá trình thực tập, nắm bắt tình hình số liệu, cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn, trong khoa, thầy giáo hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo,...để em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, tháng 6 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thanh Hà

